



> Kinh > Giới Thiệu Kinh

Danh sách chùa

Nhập vào từ cần tìm

Tìm kiếm



← Trước Sau →



GIỚI THIỆU KINH



KINH PALI



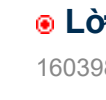
KINH SANSKRIT...



GIẢNG GIẢI KINH



LỜI TIỀN NHÂN



🔴 **Lời Đức Phật** (Xem: 160398)

🔴 **Lời Đức Phật..** (Xem: 65048)

🔴 **Đức Đạt Lai Lạt Ma** (Xem: 114112)

🔴 **Thư Pháp** (Xem: 70419)

🔴 **Ngài Lễ Phật Giáo** (Xem: 155733)

## 4. Trao đổi với tác giả Trần Kiêm Đoàn về một số vấn đề liên quan đến Đại tạng kinh Việt Nam, Đào Nguyên

12/09/2014 10:22 SA (Xem: 4269)

### NHỮNG VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN ĐẠI TẠNG KINH

Nhiều Tác Giả

4.

#### Trao đổi với tác giả Trần Kiêm Đoàn về một số vấn đề liên quan đến Đại tạng kinh Việt Nam Đào Nguyên

Trên Bán nguyệt san Văn Hóa Phật Giáo, số 144 - 145, ra ngày 1-1-2012 (Số đặc biệt mừng xuân Nhâm Thìn 2012) có bài viết của Trần Kiêm Đoàn (TKĐ) nhan đề Cá nghe kinh. Bài



NHỮNG VẤN ĐỀ LIÊN QUAN...

- > 1. Góp sức xây dựng Đại Tạng Kinh Tiếng Việt, Nguyễn Minh Tiến
- > 2. Phiên âm Đại Tạng Kinh, Trần Tiến Khanh
- > 3. Góp phần đề nghị một đề cương biên dịch cho Đại tạng kinh Việt Nam, Đào Nguyên
- > 4. Trao đổi với tác giả Trần Kiêm Đoàn về một số vấn đề liên quan đến Đại tạng kinh Việt Nam, Đào Nguyên
- > 5. Giới thiệu Ban phiên dịch Pháp tạng Phật giáo Việt Nam, HT. Thích Đồng Minh



viết có thể phân làm 3 phần căn cứ theo ba tiêu đề được in đậm nơi đầu mỗi phần: Một: Thở thở rừng mai chim cúng trái... (Bđd, trang 16-17); Hai: Đại tạng kinh Việt Nam (trang 17-19); Ba: Thiền môn nhật tụng (trang 19).

Nơi phần hai: Đại Tạng Kinh Việt Nam (ĐTKVN) người viết đã nói về một số vấn đề liên quan đến ĐTKVN và ĐTK chữ Hán, trong ấy có mấy điểm theo chúng tôi là chưa rõ, chưa thỏa đáng. Chúng tôi, với tư cách là người học Phật, trong hơn 15 năm qua đã có những quan tâm nhất định đối với ĐTKVN và ĐTK chữ Hán(1), chúng tôi cũng đã góp chút công sức của mình vào quá trình Việt dịch, biên tập, đọc duyệt, góp phần hình thành và hoàn thành ĐTKVN(2). Ở đây, trong  tinh thần tôn trọng sự thật, cần làm sáng rõ để bảo vệ sự thật, xin được lần lượt góp ý, trao đổi với TKĐ về một số vấn đề có liên quan đến ĐTKVN và ĐTK chữ Hán đã được đề cập nơi phần hai của bài viết kia.

I.

TKĐ viết: “Ngoài nước,

- › **6. Lý luận dịch kinh của các đại sư Trung Quốc, HT. Thích Phước Sơn**
- › **7. Lịch sử Kết tập Kinh điển và truyền giáo, Tỳ Kheo Thiện Minh**
- › **8. Góp chút công sức cho Đại Tạng Kinh Việt Nam, Đào Nguyên**
- › **9. Tam Tạng Kinh điển, Bình Anson**
- › **10. Sự xuất hiện Kinh điển Đại thừa, Thích Hạnh Bình**
- › **11. Kinh điển Đại thừa có phải do Phật thuyết hay không, Thích Hạnh Bình**
- › **12. Cá nghe kinh, Trần Kiên Đoàn**
- › **13. Nguồn gốc Đại Tạng Kinh, Quảng Thành**
- › **14. Công trình của Tuệ Quang Foundation**
- › **15. Quá trình hình thành Đại Tạng Kinh Hán văn, HT. Thích Thiện Siêu**
- › **16. Đôi điều ghi chép về Đại Tạng Kinh, Liên Hương**
- › **17. Về công trình Đại Tạng Kinh Việt Nam, HT. Thích Chơn Thiện**
- › **18. Lời kêu gọi vận động cho công trình của Hòa thượng Tịnh Hạnh**
- › **19. Giới thiệu công trình phiên dịch Đại Tạng Kinh**

**CÁO BẠCH: Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ cung kính cáo bạch...**

*BBT*

ĐẠI  
LÃO  
HÒA

THƯỢNG húy thượng THẮNG hạ HOAN hiệu LONG HOAN - Tăng Trưởng Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương Viện Tăng Thống, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất - Trưởng Ban Điều Hợp Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại - Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN Hoa Kỳ đã thuận thể vô thường, thân thần thị tịch vào lúc 6 giờ 50 sáng thứ Năm, ngày 25 tháng 01 năm 2024, (nhằm ngày Rằm tháng Chạp năm Quý Mão), tại Thành phố Santa Ana, Quận Cam, Tiểu bang California, Hoa Kỳ, thế thọ 97, hạ lạp 72. Tang lễ Đức Đại

năm 2004, kể viết bài này **Tiếng Việt, TT. Thích Tuệ Sỹ** được tham gia Hội đồng ..... phiên dịch ĐTKVN từ Hán tạng. Đây là một dự án sử dụng phần mềm của những chương trình chuyên dịch tinh tế và hiện đại của vi tính vào công trình phiên dịch. Tất cả 2.372 bộ kinh trong Hán Tạng được phiên âm và lược dịch bằng máy vi tính trong vòng 28 giờ. Các bộ kinh ngắn chỉ cần dưới 10 giây đồng hồ. Các bộ kinh lớn như Hoa nghiêm (80 quyển) dịch trong 11 phút, bộ Đại trí độ luận 17 phút và bộ Đại Bát-nhã (600 quyển) 50 phút...". (Bđd, trang 18/1,2).

## Phản góp ý, trao đổi

1.

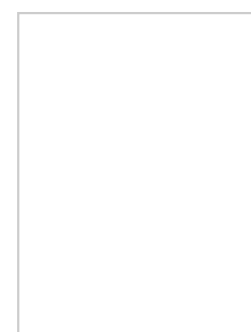
Chúng tôi không rõ là Hội đồng Phiên dịch ĐTK Việt Nam từ Hán Tạng mà vào năm 2004, TKĐ được tham gia là do ai tổ chức, điều hành? Do Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện tại thông qua bộ phận đại diện ở nước ngoài, hay là do các tư nhân (tu sĩ, cư sĩ) ở ngoài Giáo hội, đã đề xuất cùng bảo trợ? (Ví như ĐTK Linh Sơn Pháp Bảo, do Hòa thượng Tịnh Hạnh, hiện định cư ở Đài Loan, sáng lập và bảo trợ, hoạt động từ năm 1994. Đã in được Tạng kinh Việt Nam gồm 70 tập: Việt dịch từ 17 tập (Tập 1 --> Tập 17) nơi tạng kinh của Đại tạng kinh Đại chánh tân tu (ĐTK/ĐCCT). ĐTKVN do Thượng tọa Tuệ Sỹ chủ biên, đã in các kinh thuộc tạng Thanh văn, ĐTK Tuệ Quang do cư sĩ Nguyễn Hiền (bác sĩ Trần Tiến Huyền) đề xuất cùng bảo trợ, hoạt động từ năm 2006, Việt dịch gần xong tạng Luận: Việt dịch từ 8 tập (tập 25 --> 32) nơi tạng luận của ĐTK/ĐCCT...)(3).

Theo chỗ chúng tôi được biết, thì vào khoảng đầu quý 3-2006, sau Hội thảo mang tính quốc tế do Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh, thì Tiến sĩ Trần Tiến Khanh - người có tham dự Hội thảo - đã thuyết trình tóm tắt về công việc Việt dịch kinh Phật từ Hán tạng để góp phần hoàn thành ĐTKVN bằng máy vi tính. Sáng hôm sau, bác sĩ Trần Tiến Huyền - anh ruột của Tiến sĩ Trần Tiến Khanh, người đã đề xuất cùng bảo trợ ĐTK Tuệ Quang, đã tổ chức cuộc họp mặt tại Nhà hàng Phú Xuân, 128 Đinh Tiên Hoàng, quận I, TP.HCM. Một số vị tham dự cuộc họp mặt này sẽ được mời tham gia vào Ban Phiên dịch ĐTK tiếng Việt của ĐTK Tuệ Quang. Trong buổi họp mặt ấy,

lão Hòa Thượng sẽ được long trọng cử hành tại Chùa Bát Nhã, 4717 W. First Street, Santa Ana, California 92703, U.S.A.

Đọc thêm

## Người Con Phật Và Trí Tuệ Nhân Tạo (AI - Artificial Intelligence)



Huyền Lam

Trong hơn 10 năm trở lại đây,

nhân loại đã sử dụng trên máy tính và điện thoại nhiều sản phẩm công nghệ hiện đại, được xem như một phần của trí tuệ nhân tạo (AI). Những sản phẩm này đã trở thành công cụ cần thiết trong đời sống hàng ngày.

Đọc thêm

## Lễ Tưởng Niệm Ngày Phật Thành Đạo Tại Bồ Đề Đạo Tràng, Ấn Độ

Thích Nữ Giới Hương

Bồ-đề-đạo-tràng, Ấn độ, vào cuối năm 2023 và đầu năm 2024 rất rộn rịp với nhiều sự kiện

Tiến sĩ Trần Tiễn Khanh cũng có nói qua về phần Việt dịch kinh Phật từ Hán tạng bằng máy tính.

Sau đây khá lâu, trên nhật báo Thanh Niên xuất bản tại TP.HCM, có bài viết giới thiệu Tiến sĩ Trần Tiễn Khanh, nhà khoa học đã chú ý nhiều đến giá trị dinh dưỡng của các thứ rau quả, kể cả loại rau muống của quê hương Việt Nam. Bài viết ấy cũng dành một số dòng để nói đến công trình Việt dịch kinh Phật từ Hán tạng bằng máy vi tính do Tiến sĩ Trần Tiễn Khanh đề xuất và thực hiện, với những thành tựu như...

Như vậy, phải chăng “Dự án sử dụng phần mềm của những chương trình chuyên dịch tinh tế và hiện đại của vi tính...” mà TKĐ đã nói ở trên chính là sáng kiến của Tiến sĩ Trần Tiễn Khanh, thuộc ĐTK Tuệ Quang do bác sĩ Trần Tiễn Huyền sáng lập cùng bảo trợ? Nếu đúng như thế, thì chúng ta cần biết thêm: Ngay trong buổi họp mặt đầu tiên kia, Tiến sĩ Trần Tiễn Khanh đã đưa ra một vài thành phẩm Việt dịch bằng máy vi tính và khẳng định: thành phẩm Việt dịch này là chưa thể sử dụng được, cần có sự tiếp tay của chư vị (chỉ cho những vị sẽ tham gia vào Ban Phiên dịch của ĐTK Tuệ Quang). Rồi từ quý 4-2006, khi 2 bộ phận Việt dịch của ĐTK Tuệ Quang bắt đầu hoạt động (một ở TP.HCM, Việt dịch tạng Luận. Một ở Huế, Việt dịch tạng Kinh) đều Việt dịch theo phương pháp thông thường, thì đã chứng tỏ: thành phẩm Việt dịch kinh Phật từ Hán Tạng do máy vi tính thực hiện là không thể sử dụng được (sẽ nói rõ hơn ở phần sau).

## 2.

“Tất cả 2.372 bộ kinh trong Hán Tạng...”

Con số 2.372 bộ kinh trong Hán tạng... mà TKĐ đã nêu ra như thế là căn cứ theo sự tổng kết từ một tài liệu nào? Dựa theo một ĐTK chữ Hán (Hán tạng) nào? Vì thực tế là có khá nhiều ĐTK chữ Hán, qua đây, số lượng Kinh, Luật, Luận được tập hợp là không như nhau. Chữ Bộ kinh ở đây được hiểu là tên kinh? Như viết “Các bộ kinh lớn như Hoa nghiêm (80 quyển)...” Nhưng nói đến các Bộ kinh lớn như Hoa nghiêm... thì phải nói đến khía cạnh Dịch trùng (Một bản kinh chữ Phạn có nhiều bản Hán dịch: Như kinh Hoa nghiêm có 2 bản Hán dịch: Bản 60 quyển, do Đại sư Phật Đà Bạt Đà La: Giác Hiền (359 - 429) Hán dịch vào năm 418 TL đời Đông Tấn (317 - 419). ĐTK/ĐCTT, tập 9, N0278, 60 quyển. Bản 80 quyển, do Đại sư Thật Xoa Nan Đà: Hỷ Học (652 - 710)



Phật  
giáo  
quan  
trọng  
như  
Đức

Đạt Lai

Lạt Ma về thuyết giảng  
ba tuần (từ ngày  
29/12/2023-

20/01/2024),[1] Lễ Vía  
Phật Thích Ca Thành  
Đạo (do Hội Công Đức  
Phật Giáo Thế Giới,  
World Buddhist Merit  
Society, tổ chức tại Bồ-  
đề-đạo-tràng vào ngày  
17/01/2024) và Hội  
Trùng Tụng Tam Tạng  
Pali (tại Bồ-đề-đạo-  
tràng, ngày 2-  
12/12/2023).[2] Trong  
bài viết này xin được  
giới thiệu Đại Lễ Vía  
Phật Thích Ca Thành  
Đạo.

Đọc thêm



HỘI NHẬP / GHI ...

Tên thành viên

Mật mã



Hán dịch vào năm 695 TL, đời Đường - Võ Tắc Thiên (624 - 705). ĐTK/ĐCTT, tập 10, N0279, 80 quyển(4) và vấn đề kinh chính cùng kinh biệt hành (Như kinh Hoa nghiêm, thì 2 kinh N0278 và N0279 là kinh chính. Các kinh mang số hiệu từ 280 đến số hiệu 297 có trong tập 10 ĐTK/ĐCTT là những kinh biệt hành của kinh Hoa nghiêm)(5). Hoặc cụm từ 2.372 Bộ kinh trong Hán tạng là chỉ cho toàn bộ các Kinh, Luật, Luận đã được Hán dịch qua các đời, hiện có, đã được tập hợp nơi một ĐTK chữ Hán? Vì ở phần ví dụ do máy vi tính Việt dịch, TKĐ đã nói tới luận Đại Trí Độ? Như thế thì dù hiểu theo nghĩa nào, câu viết: Tất cả 2.372 bộ kinh trong Hán tạng cũng là chưa rõ, chưa thỏa đáng.

Quên mật mã ? | Ghi danh

Hội nhập



Xin tham khảo một phần nơi bố cục của ĐTK/ĐCTT:

- Tạng kinh: gồm 17 tập (tập 1 --> tập 17) được phân làm 9 bộ: bộ A-hàm, bộ Bản duyên, bộ Bát-nhã, bộ Pháp hoa, bộ Hoa nghiêm, bộ Bảo tích, bộ Niết-bàn, bộ Đại tập. Từ kinh mang số hiệu 1 (Kinh Trường A-hàm, 22 quyển) đến kinh sau cùng mang số hiệu 847 (Kinh Đại thừa tu hành Bồ-tát hạnh môn chư kinh yếu tập, 3 quyển). Như vậy thì tạng Kinh - không kể phần Mật giáo, theo ĐTK/ĐCTT gồm 847 tên kinh với 3.268 quyển, trong ấy, như ở trước đã nêu, cần phải chú ý đến khía cạnh dịch trùng cùng vấn đề kinh chính và kinh biệt hành. Không nói tới 2 vấn đề này là chưa có cái nhìn tổng quát và đầy đủ về ĐTK chữ Hán.

- Mật giáo: Do tính chất đặc thù nên toàn bộ Kinh, Luật, Luận, Nghi quỹ... thuộc Mật giáo đã được ĐTK/ĐCTT tập hợp vào 4 tập: 18, 19, 20, 21, mang tên là bộ Mật giáo 1, 2, 3, 4: từ kinh mang số hiệu 848 (Kinh Đại Tỳ Lô Giá Na thành Phật Thân Biên Gia Trì) đến luận mang số hiệu 1.420 (Luận Long thọ ngũ minh).

- Tạng Luật: Gồm 3 tập: 22, 23, 24 không phân thành các bộ riêng như nơi tạng Kinh và tạng Luận, chỉ phân chung làm 3 bộ: bộ Luật 1 (tập 22), bộ Luật 2 (tập 23) và bộ Luật 3 (tập 24), tập hợp toàn bộ các Luật lớn của các bộ phái, cùng các Kinh, Luận... nói về Luật, từ Luật mang số hiệu 1.421 (Luận Di Sa Tắc Bộ Hòa Hê Ngũ Phần, 30 quyển) đến Văn Sám mang số hiệu 1.504 (Bồ-tát Ngũ Pháp Sám Hồi Văn, 1 quyển). Như vậy, tạng Luật, theo ĐTK/ĐCTT gồm có 84 tên luật, giới bản, kinh luận nói về luật, với 516 quyển. (Tạng Luật không có vấn đề Dịch trùng cùng luật chính và

luật biệt hành)(6).

- Tạng Luận: Gồm 8 tập (tập 25 --> tập 32) và được phân làm 5 bộ: bộ Thích Kinh Luận, bộ A-tỳ-đàm, bộ Trung Quán, bộ Du Già, bộ Luận Tập. Từ Luận mang số hiệu 1.505 (Luận Tứ A-hàm Mộ Sao Giải, 2 quyển) đến luận sau cùng mang số hiệu 1692 (Luận Thắng Quân Hóa Thế Bách Du Già Tha Kinh, 1 quyển).

Như thế, tạng Luận, theo ĐTK/ĐCTT gồm có 158 tên luận, với 1390 quyển. Tạng Luận cũng có một số luận thuộc loại dịch trùng, biệt hành...(7)

Theo chúng tôi, nói đến ĐTKVN (rõ hơn là ĐTK Việt Nam, phần Phật giáo Bắc truyền) thì phải nói đủ 3 tạng Kinh, Luật, Luận đã được Hán dịch từ tiếng Phạn, để từ đây chúng ta Việt dịch. Các số lượng về tên Kinh, Luật, Luận cùng số lượng quyển... tức nên căn cứ theo ĐTK/ĐCTT để nêu dẫn là thuận hợp hơn cả (Ngay từ năm 1973, khi Viện Tăng thống của GHPGVN thống nhất ký quyết định thành lập Hội đồng Phiên dịch Tam Tạng: Hòa thượng Trí Tịnh làm trưởng ban, Hòa thượng Minh Châu làm Phó ban - ngày ấy chức vị còn là Thượng tọa thì Hội đồng này đã chọn ĐTK/ĐCTT của Hán tạng để căn cứ theo đây mà Việt dịch)(8).

### 3.

Các bộ kinh ngắn chỉ cần dưới 10 giây đồng hồ. Các bộ kinh lớn như Hoa Nghiêm (80 quyển) dịch trong 11 phút, bộ Đại Trí Độ Luận 17 phút và bộ Đại Bát-nhã (600 quyển) 50 phút...

- Đây không phải là lần đầu tiên những thông tin như thế được đăng tải trên báo chí... phát hành tại TP.HCM. Như ở trên đã nêu dẫn, cách đây khá lâu, trên nhật báo Thanh Niên, nơi bài viết giới thiệu nhà khoa học Trần Tiến Khanh, người viết cũng đã dành một số dòng để nói đến công trình Việt dịch kinh Phật từ Hán Tạng bằng máy vi tính do Tiến sĩ Trần Tiến Khanh đề xuất và thực hiện, với những thành tựu như thế như thế... chúng tôi vẫn còn nhớ như in cái thông tin: Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, 600 quyển, máy chỉ dịch trong vòng 50 phút! Vì sao? Là vì thời gian cộng tác với ĐTK Linh Sơn Pháp Bảo (do Hòa thượng Tịnh Hạnh sáng lập và bảo trợ) chúng tôi đã tốn biết bao là công sức, trí tuệ, cùng thời gian để biên tập, đọc duyệt bộ kinh đồ sộ bậc nhất ấy, do chức vị Tăng sĩ, cư sĩ thuộc nhóm dịch ở Nha Trang Việt dịch,

trên cơ sở là biên tập, dịch lại theo bản Việt dịch của Hòa thượng Trí Nghiêm đã thực hiện từ trước 1975. Một bộ kinh gồm đến 600 quyển, trên 3.000 trang Hán tạng (ĐTK/ĐCTT N0220, tập 5, 6, 7) dịch sang tiếng Việt là hơn 16 nghìn trang, thế mà máy vi tính chỉ dịch không đầy 1 tiếng đồng hồ. Thật là kỳ diệu! Tuy nhiên, vấn đề được đặt ra ở đây không phải là dịch nhanh hay chậm, 50 phút hay 60 phút, mà là thành phẩm dịch thuật ấy có sử dụng được hay không? Nếu không sử dụng được thì thời gian tuyệt nhanh kia cũng trở thành vô nghĩa. Xin trả lời ngay rằng: Thành phẩm Việt dịch của máy vi tính đối với kinh Đại Bát-nhã 600 quyển nói riêng, cũng như đối với toàn bộ các kinh Phật nơi Hán tạng nói chung là không thể sử dụng được, hoàn toàn không thể sử dụng được, kể cả việc dùng để tham khảo nhằm biên tập hiệu đính. Chúng tôi xin lần lượt biên dẫn như sau:

- Thứ nhất: Bộ tự điển được cài vào máy để máy vi tính Việt dịch là Hán Việt Tự Điển của Thiều Chửu. Đối với những người Việt Nam hiện đại học Phật, Việt dịch kinh luận Phật từ Hán tạng thì bộ Tự Điển ấy là sách gối đầu giường, nhưng chỉ mỗi Hán Việt tự điển thì chưa đủ. Theo chúng tôi, cần phải có ít nhất là các bộ tự điển, từ điển sau đây để hỗ trợ:

- a. Khang Hy tự điển: 2 tập, Khải Nghiệp thư cục ấn hành, Đài Bắc, 1998;
- b. Hán Ngữ Đại tự điển, Kiến Hoành xuất bản xã, Đài Bắc, 1998;
- c. Từ Hải: Tối Tân Tàng Đính Bản, Đài Loan Trung Hoa thư cục ấn hành, 1994, 4 tập.

Về Phật học:

- a. Phật Học Đại Từ Điển của Đình Phúc Bảo, 2 tập, Phật giáo Xuất bản xã ấn hành, Đài Bắc, 1996;
- b. Phật Quang Đại Từ Điển, 8 tập, Phật Quang Công Cụ Tùng Thư, 1999...

Như vậy, có 2 vấn đề được đặt ra:

Một: Máy vi tính, ngoài Hán Việt Tự Điển của Thiều Chửu, sẽ được cài hết các bộ tự điển, từ điển kể trên. Máy vi tính dịch theo Hán Việt Tự Điển của Thiều Chửu, trong những trường hợp cần tham khảo để Việt dịch, máy sẽ tham khảo nơi các bộ tự điển, từ điển kia, kể cả các bộ Tự điển Phật học để dịch. Đây là điều mà

máy vi tính không thể làm được.

Hai: Máy vi tính chỉ cài Hán Việt Tự Điển của Thiều Chửu, theo đấy để Việt dịch. Người tiếp nhận thành phẩm Việt dịch sẽ căn cứ theo đấy để biên tập, tham khảo các bộ tự điển, từ điển kia để dịch lại những chỗ mà nơi Hán Việt Tự Điển không đủ nghĩa để máy vi tính dịch. Điều này cũng khó thực hiện, vì lẽ câu văn Việt dịch của máy vi tính là dịch trực tiếp 1 chặng theo kiểu chữ đầu nghĩa đó. (Một người bạn đã cho biết câu văn chữ Hán: Sát sinh vi bất thiện, máy vi tính dịch là: Giết sống làm chẳng lành). Câu văn Việt dịch kiểu như thế thì làm sao đọc được để biên tập? Lại phải tra cứu nơi các bộ tự điển, từ điển kia để Việt dịch trong rất nhiều trường hợp Hán Việt Tự Điển không đủ nghĩa. Thời gian cùng công sức bỏ ra để làm công việc tham khảo và biên tập hiệu đính như vậy thật là vô vị. Vì phải đọc qua vô số câu văn Việt dịch ngô nghê, vô nghĩa và cũng là rất lâu: Phải gấp đến 100 lần so với lỗi Việt dịch theo phương pháp thông thường!

- Thứ hai: Chữ Hán là loại chữ đa nghĩa, một chữ có thể gồm rất nhiều nghĩa. Hán Ngữ Đại Từ Điển đã cho thấy chữ Nhất (一) chẳng hạn đã có đến 20 nghĩa (Hán Ngữ Đại Từ Điển, sđd, trang 1, cột 1,2). Chữ Hành (行) đọc là Hàng có 15 nghĩa, đọc là Hành có 36 nghĩa... (sđd, trang 341, cột 1,2,3. Trang 342, cột 1..). Trong nhiều trường hợp, người Việt dịch phải suy xét, đối chiếu nhằm chọn lấy 1 nghĩa thích hợp nhất để dịch. Đây cũng là điều mà máy vi tính không thể làm được.

- Thứ ba: Máy vi tính chắc chắn cũng không thể phân biệt được đâu là tên người, tên đất, đâu là sự khác nhau về danh xưng, nhưng lại giống nhau về ý nghĩa giữa 2 hệ Cựu dịch (Từ Đại sự Chân Đế: 419 - 564 trở về trước, đại diện tiêu biểu là Pháp sư Cựu Ma La Thập, 344 - 413) và hệ Tân dịch (Từ Pháp sư Huyền Tráng, 602 - 664, trở về sau). Sau đây là một số thí dụ (Các từ trong ngoặc đơn là theo hệ Cựu dịch): Hữu tình (Chúng sinh), Di sinh (Phàm phu), Bí-sô (Tỳ-kheo), Bí-sô-ni (Tỳ-kheo-ni), Ô-ba-sách-ca (Ưu-bà-tắc), Ô-ba-tư-ca (Ưu-bà-di), thành Thất La Phiệt (nước Xá Vệ), vua Vị Sinh Oán (vua A-xà-thế), Tứ niệm trụ (Tứ niệm xứ), Ngũ uẩn (Ngũ ấm), Nhất sinh sở hệ (Nhất sinh bổ xứ), Trời Đổ Sứ Đa (Trời Đâu Suất), Phả-chi-ca (Pha lê), Vô Cấu Xưng (Duy Ma Cát), Di thực (Quả báo)...

- Thứ tư: Về khía cạnh cá biệt: Nên chú ý đến cách dùng chữ và



diễn câu của Pháp sư Huyền Tráng. Xin nêu 1 thí dụ về dùng chữ: Nơi các mùi vị thì chúng ta đều biết: tân (cay), khổ (đắng), cam (ngọt), toan (chua)... Nhưng về vị chua, nơi toàn bộ các luận do Pháp sư Huyền Tráng Hán dịch, Pháp sư không hề dùng chữ Toan (酸) mà chỉ dùng chữ Tạc (酢), trong từ ngữ Thù - Tạc (Chủ mời khách uống rượu là Thù, khách rót lại cho chủ là Tạc). Chữ Tạc này, chỉ nơi Khang Hy Tự Điển (Sđd, tập hạ, trang 1.991 A - B) và Hán Ngữ Đại Tự Điển (Sđd, trang 1.490, cột 2) mới ghi rõ: Đọc là Thố, theo Ngọc Thiên, là chua (Toan) --> Khang Hy Tự Điển. Đọc là Thố, nghĩa thứ 2 là vị chua (Toan vị) --> Hán Ngữ Đại Tự Điển.

Ngoài ra, nơi các bộ luận lớn như Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa, 200 quyển, hơn 1.000 trang Hán Tạng (ĐTK/ĐCTT, tập 27, No 1.545), Luận Du Già Sư Địa, 100 quyển, hơn 600 trang Hán Tạng (ĐTK/ĐCTT, tập 30, No 1.579). Pháp sư Huyền Tráng thường sử dụng câu văn Hán dịch khá dài, gồm nhiều đoạn, không theo thứ lớp đường thẳng. Người Việt dịch phải phân đoạn lại, dịch từng phần rồi ráp lại theo một thứ tự thuận hợp thì mới có thể diễn đạt được ý nghĩa. Chắc chắn đấy cũng không phải là điều mà máy vi tính thực hiện được.

Tóm lại, sáng kiến dùng máy vi tính để Việt dịch Kinh Luận Phật từ Hán tạng là một sáng kiến rất đáng trân trọng. Tiếc là thành phẩm của quá trình dịch thuật ấy là hoàn toàn không thể sử dụng được, kể cả việc dùng để tham khảo nhằm biên tập, hiệu đính. Như thế, trong hoàn cảnh mà ĐTKVN đã tiến gần tới sự hoàn thành: ĐTKVN phần Phật giáo Nam truyền đã hoàn thành. ĐTKVN phần Phật giáo Bắc truyền: *Tạng kinh đã hoàn thành gồm 70 tập do ĐTK Linh Sơn Pháp Bảo thực hiện, một số thư viện lớn nơi thành phố Hồ Chí Minh và thủ đô Hà Nội đã có mặt tạng kinh này. Lại thêm một tạng kinh nữa, do Hòa thượng Tuệ Sỹ chủ biên, đã ra được mấy tập kinh thuộc tạng Thanh Văn... tạng Luận cũng sắp hoàn thành, do ĐTK Tuệ Quang thực hiện, đang chuẩn bị in 2 tập 25, 26 (theo bố cục của ĐTK/ĐCTT). Sau tạng Luận, ĐTK Tuệ Quang sẽ tiến hành Việt dịch tạng Luật (dự kiến trong khoảng 2 --> 3 năm).* Trong hoàn cảnh như vậy, thì sự việc ông TKĐ đưa ra những thông tin về quá trình Việt dịch Kinh Luận Phật từ Hán tạng bằng máy vi tính hết sức nhanh kia, nhưng hoàn toàn không thể sử dụng được là có những ý nghĩa gì? Chẳng có ý nghĩa gì cả,

ngoài việc khiến cho nhiều người không có những hiểu biết đầy đủ về quá trình Việt dịch kinh luận Phật từ Hán tạng - ví như người viết bài nơi nhật báo Thanh Niên kia - càng hiểu lầm, cho là công việc dịch thuật để góp phần hoàn thành ĐTKVN phần Phật giáo Bắc truyền là quá khỏe, quá nhẹ nhàng, vì đã được máy vi tính dịch hết cả rồi, chỉ còn việc ngồi đấy dò lại, hiệu đính... là xong!

## II.

TKĐ viết: “Bài Bát-nhã Tâm Kinh của Huyền Trang (chúng tôi đọc là Huyền Tráng) là bài kinh ngắn nhất trong những bài kinh của Phật giáo. Từ 600 cuốn của bộ Đại Bát-nhã, Huyền Trang đã rút lại chỉ còn 260 chữ...”. (Bđd, trang 18, cột 2).

### Phần góp ý trao đổi

Câu viết: “Bài Bát-nhã Tâm Kinh của Huyền Trang” là không đúng. Rồi câu viết tiếp: “Từ 600 cuốn của bộ Đại Bát-nhã, Huyền Trang đã rút lại chỉ còn 260 chữ...” lại cũng không đúng! Chúng tôi xin lần lượt biện dẫn như sau:

#### - Thứ nhất:

Hầu hết những người học Phật đều biết: Kinh là do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết giảng. Cũng có một số kinh do chư vị cao đệ của Đức Phật thuyết giảng. Có trường hợp, những pháp thoại dài, có giá trị của chư Tổ đã được đệ tử tôn xưng là Kinh, như Kinh Pháp Bảo Đàn của Lục tổ Huệ Năng (636 - 713) (ĐTK/ĐCTT, No 2008, tập 48, 1 quyển). Ở Việt Nam, tác phẩm Khóa Hư Lục của vua Trần Thái Tông (1218 - 1277) cũng được một số dịch giả, nhà nghiên cứu tôn xưng là Kinh. Riêng về kinh điển Đại thừa, nhất là các bộ kinh lớn thì vấn đề thời điểm thuyết giảng, thời điểm kết tập đã trở nên phức tạp. Tuy nhiên, một quan điểm tiến bộ, thuận hợp đã khẳng định: “Nói một cách dứt khoát rằng, tư tưởng Phật giáo Đại thừa đã có từ thời Đức Phật. Trong thời kỳ Phật giáo bộ phái, tư tưởng này đã hình thành tương đối rõ ở Đại chúng bộ và xen lẫn trong giáo nghĩa của các Bộ phái khác...”(9) và kinh điển Đại thừa phần lớn đều được kết tập sau, nhưng đều theo hướng mở rộng, quảng diễn, tô điểm theo một cấu trúc độc

đáo, đặc thù, mang tính ấn dụ cao, hàm chứa nhiều giá trị triết học, văn học. Như vậy, đối với kinh Bát-nhã Tâm Kinh (ĐTK/ĐCTT, tập 8, No 251, 1 quyển, Pháp sư Huyền Tráng Hán dịch) thuộc bộ Bát-nhã (theo học giả Kimura Taken, Bát-nhã là bộ kinh được kết tập sớm nhất của Phật giáo Đại thừa)(10), thì Pháp sư Huyền Tráng chỉ là dịch giả (Hán dịch) chứ không phải là tác giả để TKĐ có thể viết là “Bài Bát-nhã Tâm Kinh của Huyền Tráng”, bởi lẽ bản kinh tiếng Phạn rất ngắn ấy đã được kết tập từ mấy trăm năm về trước, trước khi Pháp sư Huyền Tráng (602 - 664) sinh ra ở Trung Hoa. Bản kinh tiếng Phạn ấy đã được truyền vào Trung Hoa khá sớm, và được các dịch giả tiền bối như cư sĩ Chi Khiêm (thế kỷ thứ 3TL), Pháp sư Cưu Ma La Thập (344 - 413) Hán dịch. Theo Hòa thượng Trí Quang thì bản Hán dịch của cư sĩ Chi Khiêm đã mất, chỉ còn đầu đề: Kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật Chú (11). Còn bản Hán dịch của Pháp sư Cưu Ma La Thập mang tên: Kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật Đại Minh Chú (ĐTK/ĐCTT, tập 8, No 250, 1 quyển). Bản Hán dịch của Pháp sư Huyền Tráng thì mang tên: Bát-nhã Ba-la-mật Tâm Kinh (ĐTK/ĐCTT, tập 8, No 251). Sau Pháp sư Huyền Tráng còn có đến 5 bản Hán dịch nữa (Sẽ nói rõ hơn ở đoạn sau).

#### **- Thứ hai:**

Ở phần trước, chúng tôi có nói đến bộ Bát-nhã, là bộ thứ 3 trong 9 bộ thuộc tạng Kinh theo sự phân loại của ĐTK/ĐCTT. Ở đây xin nói thêm: nơi Bộ Bát-nhã thì kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa (ĐTK/ĐCTT, No 220, tập 5,6,7 600 quyển) là kinh chính, là một đại tạng thư. Các kinh mang số hiệu từ 221 đến 244 là các kinh biệt hành của kinh chính kia. Ví như kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật, do Pháp sư Cưu Ma La Thập Hán dịch, 27 quyển (ĐTK/ĐCTT, tập 8, N0223) là thuộc về hội thứ 2 của kinh chính (Hội thứ 2 gồm 78 quyển, từ quyển 401 --> 478). Cũng nên biết kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật này được quen gọi là Kinh Đại Phẩm, đã được Bồ-tát Long Thọ giải thích, luận giảng, quảng diễn thành bộ Luận đồ sộ là Luận Đại Trí Độ (ĐTK/ĐCTT, tập 25, No 1509, 100 quyển, Pháp sư Cưu Ma La Thập Hán dịch). Hoặc như Kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật (ĐTK/ĐCTT, tập 8, No 235, 1 quyển, Pháp sư Cưu Ma La Thập Hán dịch) là Hội thứ 9 của kinh chính, quyển thứ 577 (Hội thứ 9 chỉ có 1 quyển). Như vậy, theo ĐTK/ĐCTT, Bát-nhã Tâm Kinh chỉ thuộc về bộ Bát-nhã, không phải là một biệt hành

của kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa 600 quyển. Về mối tương quan giữa 2 kinh dài nhất và ngắn nhất này, ở Việt Nam, hầu như Hòa thượng Trí Quang là người đầu tiên đã cho Bát-nhã Tâm Kinh là “Bài kinh tinh túy của Đại Bát-nhã” (12). Chúng tôi, nơi bài viết: Giới thiệu tóm lược về kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, đăng trên Nguyệt san Giác Ngộ số 24, 25 tháng 3, 4 năm 1998, chúng tôi đã nói đến xuất xứ của Bát-nhã Tâm Kinh (Bđd, Nguyệt san Giác Ngộ số 25, trang 7 - 11): Từ chỗ Bát-nhã Tâm Kinh đã thâu tóm diệuh nghĩa của Đại Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa, cho đến ít nhất là có 6 đoạn nơi kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, được xem như là xuất xứ trực tiếp của Bát-nhã Tâm Kinh. Đó là các đoạn:

1. Phẩm thứ 2: Phẩm Học Quán phần 2, quyển 4: ĐTK/ĐCTT, tập 5, trang 17B - 17C;
2. Phẩm thứ 3: Phẩm Tương ượng phần 1, quyển 4: ĐTK/ĐCTT, tập 5, trang 22A - 22B.
3. Phẩm thứ 9: Phẩm Vô trụ phần 2 quyển 37: ĐTK/ĐCTT, tập 5, trang 205B;
4. Phẩm thứ 10: Phẩm Hành tướng Bát-nhã, phần 2, quyển 39: ĐTK/ĐCTT, tập 5, trang 222B.
5. Hội thứ 2: Phẩm Quán chiếu, phần 1, quyển 402: ĐTK/ĐCTT, tập 7, trang 11B - 11C;
6. Hội thứ 2: Phẩm Quán chiếu, phần 2, quyển 403: ĐTK/ĐCTT, tập 7, trang 14A.

Chúng tôi cũng đã phiên âm và Việt dịch một đoạn (đoạn thuộc phẩm thứ 3: Phẩm Tương ượng phần 1, quyển 4: ĐTK/ĐCTT, tập 5, trang 22A - 22B) để minh chứng. Như vậy là Bát-nhã Tâm Kinh đã rút tĩa cùng đúc kết từ Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa. (Cũng có thể có người cho là từ Bát-nhã Tâm Kinh đã được quảng diễn để thành những đoạn văn nơi kinh chính kia). Nhưng người rút tĩa đúc kết để thành Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa là chư vị kết tập kinh, chứ không phải là Pháp sư Huyền Tráng như TKĐ đã viết. Vì như ở trên đã nêu rõ bản kinh Bát-nhã Tâm Kinh tiếng Phạn đã được kết tập ở Ấn Độ từ hàng mấy trăm năm trước khi Pháp sư Huyền Tráng ra đời. Và lại, ĐTK/ĐCTT đã tập hợp gồm đến 7 bản Hán dịch Bát-nhã Tâm Kinh: Ngoài 2 bản Hán dịch của Pháp sư Cưu Ma La Thập (No 250) và Pháp sư Huyền Tráng (No 251) đã nói ở trên, 5 bản còn lại thì 4 bản là được Hán dịch vào đời Đường, sau Pháp sư Huyền Tráng (ĐTK/ĐCTT, tập 8, No 252, 253, 254, 255),

1 bản được Hán dịch vào đời Triệu Tống (No 257). No 256 là kinh Đường Phạn Phiên Đối Tự Âm Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, tức là “Bản dịch (Bát-nhã Tâm Kinh) chữ đầu nghĩa đó của ngài Huyền Tráng. Chính 8/851”.(13)

**- Thứ ba:**

Phần cuối bài viết đã đăng trên Nguyệt san Giác Ngộ kia, chúng tôi đã bàn thêm về Bát-nhã Tâm Kinh (Bđd, trang 11 - 13). Xin trích dẫn lại vài đoạn: “Bát-nhã Tâm Kinh mà người Phật tử thường tụng đọc là Bát-nhã Tâm Kinh theo bản dịch của Pháp sư Huyền Tráng (ĐTK/ĐCTT, No 251, tập 8, trang 848C). Ngoài bản dịch này, Hán tạng hiện còn 6 bản dịch nữa, đáng chú ý hơn cả là bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập, mang tên là: Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật Đại Minh Chú Kinh (ĐTK/ĐCTT, No 250, tập 8, trang 847C). Đọc 2 bản dịch của ngài La Thập và ngài Huyền Tráng, chúng tôi nhận thấy, ngoài một vài tên gọi, thuật ngữ phiên âm, dịch khác nhau, như: Xá lợi Phất (Theo La Thập), Xá Lợi Tử (Theo Huyền Tráng), Quan Thế Âm - Quan Tự Tại, Ngũ Âm - Ngũ Uẩn... bản dịch của ngài Huyền Tráng như thể đã được dựa trên bản dịch của ngài La Thập mà bỏ bớt đi một số chữ, thêm vào một vài chỗ cần thiết, do đó bản dịch ấy đã trở nên gọn gàng, hàm súc hơn và nhất là âm vận hết sức hài hòa, được phổ biến như chúng ta đã thấy (bản dịch của ngài La Thập khoảng 300 chữ, kể cả câu chú ở cuối kinh; bản dịch của ngài Huyền Tráng khoảng 260 chữ) (Bđd, trang 11/1,2)(13B). Tiếp đấy, chúng tôi đã phiên âm toàn văn bản Hán dịch của Pháp sư Cưu Ma La Thập, cho in nghiêng những câu không có nơi bản dịch của Pháp sư Huyền Tráng - tức pháp sư đã bỏ bớt, cũng ghi dấu v ở những chỗ pháp sư Huyền Tráng thêm vào... (Bđd, trang 11/1, 12/1). Ông TKĐ đã ca ngợi hết lời những giá trị nơi bản dịch của pháp sư Huyền Tráng là đúng, nhưng cũng chẳng phải là mới mẻ gì, vì từ rất lâu nhiều người đã nói đến rồi, nói đến một cách hết sức tham bác, quán xuyên và đầy đủ (14). Nhưng ông TKĐ không biết là trước khi Pháp sư Huyền Tráng ra đời hàng 200 năm, đã có bản Hán dịch của Pháp sư Cưu Ma La Thập và bản Hán dịch ấy đã có ảnh hưởng rất đáng kể đối với bản Hán dịch của Pháp sư Huyền Tráng... Thế nên những nhận định của TKĐ đã nêu là thiếu tính lịch sử, thiếu tính nhân duyên, nên không công bằng.

Về 5 bản Hán dịch Bát-nhã Tâm Kinh còn lại, chúng tôi cũng xin được trích dẫn lại một vài đoạn nơi bài viết kia: “Hai vị (Bồ-tát và Tôn giả) có mặt nơi pháp thoại ấy hầu hết đều được dịch giống như bản dịch của ngài Huyền Tráng (Bồ-tát Quan Tự Tại, Tôn giả Xá Lợi Tử), riêng bản No 254 - do Đại sư Trí Tuệ Luân Hán dịch vào đời Đường - thì vị Bồ-tát ấy được dịch là Bồ-tát Quan Thế Âm Tự Tại. Và bản No 253 - do 2 Đại sư Bát Nhã cùng Lợi Ngôn Hán dịch, thì vị Tôn giả được dịch là Xá Lợi Phất. Về cấu trúc của Pháp thoại: Năm bản Hán dịch trên đều có thêm phần Mở đầu (Như thi ngã văn nhất thời Phật tại...) và phần Kết thúc (Đại chúng nghe kinh hoan hỷ phụng hành)...(15) Phần chính của Pháp thoại nơi 5 bản Hán dịch trên cũng đều có thêm một vài chi tiết để sự việc diễn tiến rõ ràng hơn:

Chẳng hạn, sau phần mở đầu thì cho biết, bấy giờ trong chúng hội có vị Bồ-tát tên Quan Tự Tại thưa với Đức Phật xin nói về điều pháp Bát-nhã Ba-la-mật và sau khi được Đức Thế Tôn chấp thuận, Bồ-tát Quan Tự Tại bèn nhập “Huệ Quang tam muội chánh thọ” chiếu kiến “Ngũ uẩn tự tánh giai không”, rồi ra khỏi pháp tam muội, gọi Tôn giả Xá Lợi Tử để diễn nói điều pháp. (No 252), hoặc sau phần Mở đầu thì Đức Thế Tôn nhập tam muội “Quảng đại thậm thâm” (No 253) “Quảng đại thậm thâm chiếu kiến” (No 254) “Thậm thâm minh liễu Tam-ma-địa pháp”(No 255) “Thậm thâm Quang minh tuyên thuyết chánh pháp Tam-ma-địa” (No 257), rồi sau khi Bồ-tát Quan Tự Tại nêu bày điều pháp xong thì Đức Thế Tôn xuất định, khen ngợi. Hoặc Tôn giả Xá Lợi Tử, thưa uy lực của Đức Thế Tôn, hỏi Bồ-tát Quan Tự Tại, và Bồ-tát nhân đấy mà diễn nói điều pháp. (No 253, 254, 255, 257)(15B).

Về văn từ: Vì Pháp thoại qua ngán mà hàm chứa nhiều đoạn đối thoại, biện giải... nên 5 bản Hán dịch trên, xét về mặt văn từ đều không bằng bản dịch của ngài La Thập và tất nhiên là kém thua bản dịch của ngài Huyền Tráng. (Bđd, trang 12 - 13).

Rốt lại, Bát-nhã Tâm Kinh là như thế, Pháp sư Huyền Tráng đối với Bát-nhã Tâm Kinh là như thế chứ không phải như TKĐ đã viết.

### III.

TKĐ viết: “Ví dụ trong muôn một là từ Hán Việt có 4 chữ khác



nghĩa tách bạch, rạch ròi như ‘không, vô, bất, phi’ thì tiếng thuần Việt chỉ có một chữ ‘không’ tương ứng...”. (Bđd, trang 18, cột 2).

## **Phản góp ý trao đổi**

Viết như thế là đúng nhưng chỉ đúng một phần rất ít, vì không nói đến tính chất uyển chuyển của người Việt dịch cùng khía cạnh nhiều nghĩa của tiếng Việt, thế nên nhận định ấy trở thành phiến diện nếu không nói là không đúng. Xin lần lượt làm rõ.

### **1- Chữ Bất:**

a. Được dịch là Chẳng:

Chẳng sinh cũng chẳng diệt

Chẳng thường cũng chẳng đoạn

Chẳng một cũng chẳng khác

Chẳng đến cũng chẳng đi...

(Bất sinh diệt bất diệt

Bất thường diệt bất đoạn

Bất nhất diệt bất dị

Bất lai diệt bất xuất)

(Trung Luận. HT. Thiện Siêu dịch 2001, tr.9)

b. Được dịch là Không: “Tôn giả Thu Tử! Không ấy của các pháp là không sinh, không diệt, không dơ, không sạch, không thêm, không bớt...” (Xá Lợi Tử, thị chư pháp không tướng bất sinh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm). (Bát-nhã Tâm Kinh, HT. Trí Quang dịch). In trong Hai thời công phụ 2001, trang 168). Nên chú ý: Ở câu trước: “Sắc bất dị không, không bất dị sắc” thì Hòa thượng Trí Quang dịch là “Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc.”

c. Được dịch bằng cách để nguyên: Trong những trường hợp là các pháp môn tiêu biểu, hoặc là những thuật ngữ hàm chứa ý nghĩa sâu rộng thì chữ Bất nơi các từ kép hoặc cụm từ kia nên để nguyên.

Ví dụ: Pháp môn Bất nhị nơi kinh Duy Ma (ĐTK/ĐCTT, tập 14, No 475, 3 quyển. Pháp sư Cưu Ma La Thập Hán dịch). Pháp môn Bất thoái chuyển nơi kinh A Duy Việt Trí Già (ĐTK/ĐCTT, tập 9, No 266, 3 quyển. Pháp sư Trúc Pháp Hộ Hán dịch). Kinh này còn

có 2 bản Hán dịch nữa: No 267, 4 quyển, No 268, 6 quyển. Trong ấy có đoạn kinh nói về một cách hàng phục ma rất đặc biệt, kỳ lạ(16). Quả Bất hoàn (Quả thứ 3 trong 4 quả Sa-môn). Địa Bất động (Địa thứ 8 trong 10 địa của Bồ-tát tu tập đạt quả vị Bồ-đề vô thượng). A-la-hán của Pháp Bất động (A-la-hán thứ 6 trong 6 loại A-la-hán). Giới Bất định: 2 giới trong 250 giới của Tỳ-kheo theo Luật Tứ Thần (ĐTK/ĐCTT, tập 22, N01428, 60 quyển. Đại sư Phật Đà Da Xá và Trúc Phật Niệm Hán dịch).

Vấn đề dịch bằng cách để nguyên này (Chung cho cả 4 chữ Bất, Phi, Vô, Không) nên tham khảo quan điểm Ngũ chủng bất phiên của Pháp sư Huyền Tráng để lãnh hội, tránh lối giải thích nông cạn, cho để nguyên là vì dịch không được.

## 2- Chữ Phi:

a. Dịch là chẳng phải, chẳng phải là.

b. Dịch là không, không phải, trái, sai, không đúng.

c. Dịch bằng cách để nguyên: Phi tình (hữu tình, phi tình). Phi nhân (Hàng phi nhân). Phi phạm hạnh. Phi luật nghi phi bất luật nghi. Xứ Phi tượng phi phi tượng. Quả phi ái (Quả không đáng yêu thích). Hành phi phước. Phi học phi vô học. Phi trạch diệt...

Nên tham khảo kinh Kim Cương (Kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật: ĐTK/ĐCTT, tập 8, No 235, 1 quyển, Pháp sư Cưu Ma La Thập Hán dịch) do Hòa thượng Trí Quang Việt dịch, để thấy chữ Phi, Hòa thượng đã để nguyên, sau đây thì giải thích, biện dẫn.

Chẳng hạn: \* Đoạn 7: “Không, bạch Thế Tôn! Không thể thấy Ngài bằng các đặc tướng, tại sao như vậy? Vì theo Ngài dạy thì các đặc tướng là phi đặc tướng. Đức Thế Tôn bảo: Trưởng lão Thiện Hiện! Hễ có đặc tướng, thì đặc tướng ấy toàn là giả dối.

Nếu thấy đặc tướng, là phi đặc tướng, là thấy Như Lai. \* Đoạn 10: “...Trưởng lão Thiện Hiện! Gọi là Phật pháp, thì Như Lai nói là phi Phật pháp. Thế nên Như Lai nói là Phật Pháp”. \* Đoạn 21: Kính bạch Thế Tôn, tuệ giác thật ấy, thì Ngài nói là phi tuệ giác thật, thế nên Ngài nói là tuệ giác thật...”. (Kinh Kim Cương, HT. Trí Quang dịch. Bản in năm 1987, các trang 21 - 22, 30, 49). Phần Chú giải:

“Ví dụ, chúng ta nói A thì Phật nói A đó là phi A, và đó là tại sao Ngài nói là A. Như vậy, phi A không phải là B, mà là A tự siêu việt. Có trường hợp là tự phủ nhận, có trường hợp vừa tự phủ nhận

vừa tự siêu việt... Phi là như thật tri kiến các pháp toàn là như. Nói giản dị một chút, phi là siêu việt: siêu việt khái niệm và diễn tả. Cho nên A là phi A (là như), và đó là lý do tại sao Phật nói là A...". (Kinh Kim Cương, sđd, trang 141 - 142).

### 3- Chữ Vô:

a. Dịch là không, không có, không gì, không nên.

b. Dịch bằng cách để nguyên: Về chữ vô, nơi trường hợp này là rất nhiều từ, những từ ngữ, thuật ngữ, đến các pháp môn, các định... như: vô lượng, vô số, vô biên, vô tận, vô thượng, vô cùng, vô hạn, vô cực (Độ vô cực: Ba-la-mật), vô vi, vô lậu, vô biểu (Sắc vô biểu, nghiệp vô biểu) vô phú vô ký. Hữu phú vô ký, vô ngã, vô trụ, vô sở trụ, vô tâm, vô đắc, vô gián (Địa ngục vô gián), vô minh, vô thường, vô sắc (Cõi vô sắc) vô nguyện, vô tướng (Ba cửa giải thoát: không, vô tướng, vô nguyện hoặc vô tác. Ba tam muội: không, vô tướng, vô nguyện. Ba tam muội: không, không, vô tướng, vô tướng, vô nguyện, vô nguyện), vô úy, vô sở úy, vô học (Bậc Hữu học, Vô học), vô ngôn (Đỗ khẩu vô ngôn), vô sinh trí, vô sinh pháp nhãn, vô ngại biện tài, vô dư y (Niết-bàn vô dư y), vô niệm, vô vị (Vô vị chân nhân), vô danh, vô tướng, vô tướng (trời Vô tướng, định Vô tướng), vô ích, vô dụng, vô dục, vô giá, Vô lượng thọ Phật, Vô lượng quang Phật, vô thủy vô chung, vô tình (tình cùng vô tình), vô tri, vô trí, vô hành Bát A-na-hàm (Loại A-na-hàm thứ 4 trong 5 loại A-na-hàm)...

c. Khang Hy tự điển (Sđd, tập thượng, trang 978C), Từ Hải (Sđd, tập trung, trang 2843B) đều cho chữ Vô cũng có ý nghĩa như chữ Bất. Hán ngữ đại từ điển (Sđd, trang 926/2) thì chữ Vô, nghĩa thứ tư là phi, bất thị. Chữ Không nghĩa thứ tư là vô, không có (Sđd, trang 1136/2). Như vậy thì các chữ ấy (Bất, Phi, Vô, Không) đều có liên hệ với nhau, chứ không phải là "tách bạch rạch ròi" như TKĐ đã viết.

d. Nơi một vài trường hợp, chữ Vô còn được dịch là không hề biết, là hoàn tất. Trong Luận du già sư địa (ĐTK/ĐCTT, tập 30, No 1579, 100 quyển, Pháp sư Huyền Tráng Hán dịch), chúng tôi đã gặp hơn 1 lần, câu văn Hán dịch đều dùng chữ vô úy để chỉ cho kẻ đoạn dứt căn thiện, ưa thích sát sinh, đã vô úy đối với báo ứng nơi đời này đời sau nên rốt cuộc bị đọa vào địa ngục. Như thế, từ vô úy ở đây phải được dịch là không hề biết sợ hãi.

Hòa thượng Trí Quang, trong phần Lược giải Hồng Danh (lược

giải Hai thời công phu) nơi đoạn 3: Sám hối: Hướng nguyện theo Hạnh nguyện Phổ Hiền, đã dịch các vị Hữu học là tu học tiếp tục, các vị Vô học là tu học hoàn tất (Vô: hoàn tất). (Hai thời công phu, sđd, trang 363).

#### 4- Chữ Không:

a. Được dịch là không có, trống không, rỗng không, rỗng lặng, bao la, cùng tận.

b. Dịch bằng cách để nguyên: không tâm, không vương (Chư Phật), không sinh, không hữu, không kiếp, không nhãn, không kiến, không tông, không tánh, không không. Tam muội không không, không môn, không giới (1 trong 6 giới: địa, thủy, hỏa, phong, không, thức), không tướng, không quán (Một trong 3 quán: không, giả, trung) không tịch, không vô biên xứ, trời Không vô biên xứ, địa Không vô biên xứ, định Không vô biên xứ...

c. Không là một phạm trù triết học lớn của Phật giáo tức là không của Bát-nhã (Tất nhiên chữ không này là để nguyên). Theo Hòa thượng Trí Quang thì “Không của Bát-nhã thường được gọi là Tánh không. Không ấy, căn cứ nơi Trung luận, có thể trình bày bằng 3 cách: Một: Đương sinh vô sinh nên không...; Hai: Duyên sinh nên không...; Ba: Đây mới là chính xác: Không là ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ biệt...”. (Hai thời công phu, sđd, trang 432).

Như vậy là quá đủ để thấy rằng không hề có cái gọi là: “...từ Hán Việt có 4 chữ khác nghĩa tách bạch, rạch ròi như không, vô, bất, phi, thì tiếng thuần Việt chỉ có 1 chữ ‘không’ tương ứng” như TKĐ đã viết.

Có thể nói thêm về khía cạnh nhiều nghĩa rất phong phú của tiếng Việt, ví như chữ Hành (行), chúng ta phiên âm Việt là Hành (Hán Việt): là làm, là đi... (thuần Việt). Từ chữ Hành (Hán Việt) chúng ta có: hành động, hành vi, hành ác, hành thiện, hành trì, hành hóa, hành tác, hành đạo, hành tung, hành trang, hành pháp, hành tướng, hành giải, hành hạ, hành hung, hành chuyển, hành lễ, hành hương. Từ chữ làm (thuần Việt) chúng ta có: làm người, làm cha làm mẹ, làm vua làm quan, làm thầy làm tớ, làm vương làm tướng, làm trời làm đất, làm mưa làm gió, làm tình làm tội, làm bộ làm tịch, làm cao làm phách, làm thân trâu ngựa, làm ma làm quỷ,

làm chồng làm vợ, làm anh làm em,... Từ chữ đi (thuần Việt) chúng ta có: Đi đến, đi tới, đi về, đi về đâu, đi ra đi vô, đi lên đi xuống, đi ăn, đi làm, đi đêm, đi đêm có ngày gặp ma, đi với Bụt mặc áo cà-sa, đi Tây đi Tàu, đi ra nước ngoài, đi mãi, đi biên biệt, đi đứt luôn, đi mất, đi thi, đi kiện, đi học, đi tu, đi một ngày đàng, đi biệt xứ, đi chân đất, đi đầu xuống đất, đi guốc trong bụng. Nói chung, tiếng Việt có các từ Hán Việt, thuần Việt... nên càng phong phú, đủ khả năng để chuyển dịch về bất cứ lĩnh vực nào, kể cả công việc Việt dịch ba tạng Kinh, Luật, Luận của Phật giáo từ Hán tạng, không hề có cái gọi là “Khó tránh khỏi giới hạn hiểu nghĩa của từ ngữ” hoặc “Cũng chưa vượt trội ra ngoài giới hạn của ngôn ngữ” như TKĐ đã viết. Những người học Phật, hơn ai hết, luôn nhận biết ngôn ngữ, văn tự, dù là của dân tộc nào, rốt cuộc cũng chỉ là những phương tiện để diễn tả sự vật, để diễn đạt chân lý, là ngón tay ngôn giáo chứ không phải là mặt trăng chân lý. Thế nên Phật giáo luôn nói đến tính chất “Đường ngôn ngữ đứt, xứ tâm hành diệt” (Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt), đó là chứng nhập chân lý, là Đốn khải vô ngôn, là nẻo siêu việt của chân lý đối với ngôn ngữ văn tự. Tuy nhiên, ở bình diện tục đế, trong chiều hướng tương đối, ngôn ngữ văn tự vẫn có thể làm tốt nhiệm vụ là ngón tay ngôn giáo giúp hành giả thấy được mặt trăng chân lý. Đọc bản Việt dịch Bát-nhã Tâm Kinh của Hòa thượng Trí Quang in trong Hai thời công phu (Hai thời công phu, sđd, trang 168 - 170) cùng những đoạn giải thích (Hai thời công phu, sđd, trang 428 - 437) người đọc cũng có thể hiểu được những gì là diệu chỉ của bản kinh rất ngắn ấy, cũng hiểu được thế nào là Bát-nhã, thế nào là Không của Bát-nhã, những gì là Không của Bát-nhã trong Tâm Kinh(17)... Vậy, có gì để TKĐ phải viết là “Khi chuyển ngữ, người dịch khó tránh khỏi giới hạn hiểu nghĩa của từ ngữ”, hoặc “Cũng chưa vượt trội ra ngoài giới hạn của ngôn ngữ”? Đề nghị ông TKĐ nói rõ hơn: Thế nào là “Tránh khỏi giới hạn hiểu nghĩa của từ ngữ”? Thế nào là “Vượt trội ra ngoài giới hạn của ngôn ngữ”? Thế nào là “Một bản Việt dịch Bát-nhã Tâm Kinh đạt chuẩn mực về sự chuyển ngữ”? để chúng tôi lãnh hội và nếu cần sẽ xin tranh luận, biện bác nhằm làm sáng tỏ sự thật.(17B)

#### IV.

TKĐ viết: “Và riêng Phật giáo Việt Nam bị “bóng đè” của kinh tạng

chữ Hán nặng nề đến nỗi đã hơn hai nghìn năm qua mà vẫn chưa có được một Tạng kinh Việt Nam thuần Việt" (Bđd, tr.17/2).

### **Phản góp ý trao đổi**

Nhận định này của TKĐ là ở trước nhưng chúng tôi nêu ra sau cùng là có lý do.

Theo chúng tôi, nói Phật giáo Việt Nam bị "bóng đè" của kinh tạng chữ Hán... chỉ là một thứ hư cấu và phóng đại của người viết. Ở đây không còn là góp ý, trao đổi mà chúng tôi sẵn sàng biện chính, phản bác để bác bỏ. Tuy nhiên, vì bài viết đã khá dài, nên chúng tôi chỉ xin đề nghị ông TKĐ giảng nói rõ hơn: căn cứ vào đâu, vào những gì để gọi là "bóng đè" của kinh tạng chữ Hán? Rồi Phật giáo Việt Nam vì sao lại bị gắn chặt với cái "bóng đè" ấy? Chúng tôi tất sẵn sàng tham gia tranh luận, biện bác khi được đọc những giải thích kia. Ở phần trước đây, ông TKĐ viết: "Bóng đè của chữ Hán Việt vẫn ngự trị nặng nề trên hầu hết những lĩnh vực tư tưởng, giáo dục và xã hội Việt Nam". (Bđd, trang 17/2).

Luận điểm này rõ ràng là đồng dạng với quan điểm: Gạt bỏ văn học chữ Hán ra khỏi văn học Việt Nam của một vài nhà viết văn học sử ở Sài Gòn trước 1975, tiêu biểu là ông Phạm Văn Diêu trong sách Văn học Việt Nam I (NXB. Tân Việt, S, 1961). Xin thưa với ông TKĐ là chủ trương sai lạc ấy đã hoàn toàn bị xóa bỏ từ hàng nửa thế kỷ, nay không có ai nhắc đến. Lại buồn cười hơn nữa, vì trước đó hơn 10 hàng, ông TKĐ đã dẫn lời tuyên cáo của Nguyễn Trãi: "Quân cuồng Minh đã thừa cơ gây họa, bọn gian tà còn bán nước cầu vinh". Xin nhắc để ông TKĐ nhớ là bài Tuyên cáo của Nguyễn Trãi có tên là Bình Ngô Đại Cáo, được viết bằng chữ Hán, là thứ chữ mà ông đã cho là bóng đè..., và câu văn nêu dẫn ấy là bản dịch chứ không phải là nguyên tác.

Lại cho do "bóng đè" ấy nên "đã hơn hai nghìn năm qua mà Phật giáo Việt Nam chưa có được một tạng kinh Việt Nam thuần Việt", là không đúng, hoàn toàn không đúng.

### **- Thứ nhất:**

Vào thời kỳ chữ Hán là thứ văn tự phổ thông ở nước ta, thông dụng với triều đình, công sở, trong lĩnh vực giáo dục, khoa cử, sáng tác, biên khảo... thì Phật giáo Việt Nam không đặt vấn đề Việt dịch ba tạng Kinh, Luật, Luận. Vì sao? Vì chữ Hán ấy tuy là của người Trung Hoa, nhưng ông cha chúng ta đã học nó, phát



âm khác với người Hán, có ít nhiều cải biên để hợp với tư duy của người Việt, đã lãnh hội cùng diễn đạt sự lãnh hội ấy theo một cấu trúc khác hẳn với người Hán, nhất là thứ chữ ấy đã luôn gắn liền với con đường đi tới của lịch sử dân tộc Việt, đã góp phần đáng kể vào quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt, nên phải gọi thứ chữ ấy là chữ Hán Việt hay Việt Hán, là thứ chữ Hán theo người Việt, chữ Hán của người Việt, như là một thứ chữ chính thức của người Việt ngày xưa. Nói rõ hơn, vào thời xa xưa, trong hoàn cảnh đất hẹp người ít, lại bị các thế lực thống trị của người Hán đô hộ hơn ngàn năm, ông cha chúng ta đã bị bắt buộc học thứ chữ Hán của người Trung Hoa. Nhưng chính nhờ việc học ấy mà ông cha chúng ta có hiểu biết, có văn hóa. Có văn hóa nên biết nhìn kỹ về mình, biết mình là ai và hiện có những gì, cùng phải làm gì để giữ lấy bản sắc của dân tộc mình khỏi bị đồng hóa. (Đây là điều mà ông cha chúng ta đã làm được, trong ấy có sự đóng góp của văn hóa Hán Việt). Rồi khi có hoàn cảnh tương đối thuận hợp, ông cha chúng ta đã dùng thứ văn hóa Hán Việt kia để chống lại, đập tan thứ văn hóa nô dịch của kẻ thống trị. Một số công trình nghiên cứu của học giả Lê Mạnh Thát đã được công bố như Lục độ tập kinh và Lịch sử khởi nguyên của dân tộc ta, Khương Tăng Hội toàn tập 1, 2. Nghiên cứu về Mậu Tử 1, 2, Lịch sử Phật giáo Việt Nam I ... đã cho thấy rõ điều ấy. Như trường hợp Thiền sư Khương Tăng Hội (200? – 280) người con Phật ưu tú của đất Giao Châu đã sang tận vùng Đông Ngô của Trung Hoa thời bấy giờ để truyền đạo hành đạo điều này đã được Phật Quang đại từ điển của Trung Quốc xác nhận và cho “Phật giáo ở vùng đất Kiến Nghiệp nhân đây được hưng khởi. Đây là Phật giáo truyền vào phương Nam của nước ta - Trung Hoa - trước nhất” (Kiến Nghiệp địa phương Phật giáo nhân thử đắc hưng. Thử vi Phật giáo truyền nhập ngã quốc Nam phương chi hao thi) (Phật Quang ĐTD, mục Khương Tăng Hội, trang 4.538A). Sang thời kỳ độc lập, thứ văn tự Hán Việt kia vẫn tiếp tục được củng cố, phát huy. Một bài kệ 4 câu 5 chữ bằng chữ Hán, bài kệ Quốc Tộ của Thiền sư Pháp Thuận (915 – 990). Chẳng hạn: “... Phải trải qua hơn một ngàn năm mất nước và kiên trì đấu tranh giành lại nước, từ đó thâm thái tinh hoa của thiền học, thiền tông, thì trí tuệ Việt Nam mới nảy sinh một tư tưởng uyên thâm và uyển chuyển, đồng thời lại chung đúc trong một hình thức súc tích mà hùng hồn như vậy...” (Trần Thanh Đạm, bài: Hai Thiền sư - thi sĩ

mở đầu lịch sử văn chương cổ điển Việt Nam, Tập san Văn số 29, tháng 5-1994). Một bài kệ chữ Hán làm về vang cho Phật giáo Việt Nam, không chỉ là Phật giáo Việt Nam của thế kỷ X, XI mà là Phật giáo Việt Nam của muôn đời. Hoặc một bài thơ chữ Hán 4 câu 7 chữ của Thiền sư Không Lộ (? - 1119) đời Lý, bài Ngôn Hoài, bài thơ đã làm tỏa lên phần nào sức mạnh tâm linh của Phật giáo Việt Nam thời Lý-Trần, góp phần tạo nên nội lực của dân tộc để đánh thắng kẻ thù xâm lược, như nhà thơ Chế Lan Viên đã ghi nhận “Không có tiếng kêu dài này thì không có chiến thắng Bạch Đằng”(18). Rõ ràng là thứ chữ Hán Việt kia đã góp phần lớn vào quá trình giữ nước của dân tộc. Nói theo một hướng khác: Ông cha chúng ta trong thời kỳ độc lập tự chủ, vẫn luôn cảnh giác và sẵn sàng đánh tan những đạo quân xâm lược của các thế lực thống trị phương Bắc; nhưng cũng luôn cố gắng tạo ra những thời kỳ hòa hoãn, giao hảo để tiếp nhận những trinh hoa, những thành tựu của văn hóa, văn học phương Bắc, kể cả việc sang Tàu thỉnh Đại tạng kinh chữ Hán. Ở đây, nói theo luận điểm của một số nhà nghiên cứu văn học tiến bộ ở Sài Gòn trước 1975, bên vực cho quan điểm: Không thể loại bỏ văn học chữ Hán ra khỏi văn học Việt Nam; Xét những tác phẩm văn học, văn hóa, không chỉ xét chúng được viết bằng thứ chữ gì, mà còn phải xét, quan trọng hơn là chúng đã viết về những gì (nội dung) và viết để làm gì. ĐTK chữ Hán (được đem về từ Trung Hoa) là một tập hợp toàn bộ ba tạng Kinh, Luật, Luận của Phật giáo đã được Hán dịch (viết, chép về những gì?), là những thứ giáo pháp cao siêu, có giá trị, luôn ứng hợp với văn hóa dân tộc, giúp con người tu tập, hành trì để dứt mê diệt khổ, tạo được đời sống an lạc cho cá nhân và cộng đồng trong hiện tại, cùng tiến đến giác ngộ, giải thoát (viết, chép để làm gì?). Mà chữ Hán như chúng tôi đã biện dẫn ở trước, phải được xem là một thứ chữ Hán Việt, một thứ chữ của người Việt ngày xưa. Vì thứ chữ ấy, như chúng tôi đã nêu, đã luôn gắn liền với con đường đi tới lịch sử của dân tộc Việt, đã góp phần đáng kể vào quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt. Thế nên, Phật giáo Việt Nam thời Lý-Trần cũng như Phật giáo Việt Nam trong những thế kỷ tiếp sau, không hề xem ĐTK chữ Hán là một khối văn tự ngoại lai, mà luôn xem là ba tạng kinh điển vô giá như là của mình. Mặc dù ông cha chúng ta đã tạo ra chữ Nôm, nhưng chữ Nôm được cấu tạo trên cơ sở là chữ Hán Việt, khó viết, khó đọc hơn chữ Hán nên cũng khó phổ

cập phổ thông. Mà chữ Nôm không hề mâu thuẫn với chữ Hán Việt. Văn học chữ Nôm đã bổ sung cho văn học, văn hóa chữ Hán Việt, làm phong phú cho nền văn học, văn hóa Việt Nam, chỉ có những kẻ trí thức thiên cận, nhân danh một thứ chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi, mới chủ trương chỉ giữ lại văn học chữ Nôm, gạt bỏ phần văn học chữ Hán. Nhưng đây là chuyện của sinh hoạt văn học ở miền Nam hơn 50 năm về trước, đã hoàn toàn rơi vào dĩ vãng, sở dĩ chúng tôi nhắc đến là để góp thêm tư liệu nhằm nhìn rõ hơn luận điểm của ông TKĐ gọi là “bóng đèn” của chữ Hán Việt...”! Ông TKĐ có nhắc đến mấy câu văn dịch trong Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi. Xin nói thêm để ông TKĐ rõ: Nguyễn Trãi (1380 - 1442) là một trong số các nhà thơ lớn của văn học cổ điển Việt Nam có những tiếp cận thấu đạt nhất đối với Phật học. Nguyễn Trãi viết Bình Ngô Đại Cáo bằng chữ Hán Việt để bố cáo tính chất chính nghĩa của một dân tộc bất khuất đã đứng lên đánh đuổi quân xâm lược giành lại độc lập. Nhưng Nguyễn Trãi cũng làm thơ chữ Hán Việt để ca ngợi đức độ tu trì nơi Lục tổ Huệ Năng (638 - 713) của Phật giáo Trung Hoa:

"Hàng long phục hồ cơ hà diệu

Vô thụ phi đài ngữ nhược tân".

(Phục cộ, hàng rồng, sao phép diệu

Chẳng đài, không thụ, vẫn lòng truyền).

(Bài Thăm Chùa Nam Hoa, Đào Duy Anh dịch, Nguyễn Trãi toàn tập, 1976, trang 383 - 384).

Đồng thời ca ngợi sứ mạng trừ mê, diệt khổ của Phật giáo:

"Môn tiền nhất phái

Tào Khê thủy

Tẩy tận nhân gian

kiếp kiếp trần".

(Trước cửa Tào Khê

dòng nước chảy

Lâng lâng gột sạch

mọi trần duyên).

(Đào Duy Anh dịch. B, sđd, trang 383 - 384).

Nguyễn Trãi làm thơ bằng chữ Hán Việt viết về chùa Đông Sơn, chùa Tiên Du, chùa núi Dục Thúy, chùa Hoa Yên núi Yên Tử...

Nguyễn Trãi viết sách bằng chữ Hán Việt rồi Nguyễn Trãi làm thơ chữ Nôm, trong ấy có những câu, những đoạn, những bài, hoặc

hiện bày điều lý Tâm tức Phật:

Thân đà hết lụy thân nên nhẹ

Bụt ấy là lòng Bụt há cầu...

(Bài Mạn Thuật, số 8, Nguyễn Trãi toàn tập tr.405).

Hoặc ca ngợi Thiên cảnh Tào Khê:

Tào Khê rửa ngàn tầm suối

Sạch chẳng còn một chút phàm.

Hoặc thuyết minh về điều lý sắc không:

Ánh nước hoa in một đóa hồng

Vết nhơ chẳng bén Bụt làm lòng

Chiều mai nở, chiều hôm rụng

Sự lạ cho hay tuyệt sắc không.

(Bài Cây Mộc Cận. Sđd, trang 471)(19)

Tất cả là của một Nguyễn Trãi tài hoa, yêu nước, mộ Phật, có gì để nói là “bóng đèn” của chữ Hán Việt...?

#### **- Thứ hai:**

Phật giáo Việt Nam chỉ đặt vấn đề Việt dịch Kinh, Luật, Luận từ Hán tạng để hình thành và hoàn thành ĐTKVN là từ khi chữ Hán không còn thông dụng nơi triều đình, công sở, khoa cử theo Hán học đã bị bãi bỏ, trong hoàn cảnh đất nước bị thực dân Pháp xâm chiếm đô hộ. Cùng với phong trào chấn hưng Phật giáo dấy khởi khắp 3 miền Nam, Trung, Bắc (1928 - 1945), một số vị tôn túc và cư sĩ trí thức đã bắt đầu Việt dịch các kinh luận tiêu biểu từ Hán tạng. Dự án về Đại Tàng Lâm Kim Sơn của cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám (1897 - 1969) chắc chắn sẽ dành nhiều ưu tiên cho công tác Việt dịch ba tạng kinh điển từ Hán tạng. Nhưng rồi cả nước phải kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954), lại kháng chiến chống Mỹ để giải phóng miền Nam (1960 - 1975). Ở miền Nam, giai đoạn 1965 - 1975, công việc Việt dịch ba tạng Kinh Luật Luận từ Hán tạng đã tiến hành được nhiều bước. Sau ngày đất nước thống nhất, chúng ta phải mất đến 15 năm để ổn định tâm thức. Năm 1990, Hội đồng chỉ đạo phiên dịch và ấn hành ĐTKVN được thành lập tiếp nhận những thành tựu về Việt dịch ĐTK đã có từ trước, thì tiến trình Việt dịch để hoàn thành ĐTKVN phần Phật giáo Bắc truyền đã được thúc đẩy để tiến nhanh hơn. Lại có các

ĐTKVN do các tổ chức tư nhân ngoài Giáo hội đề xuất thành lập cùng bảo trợ đã hoạt động liên tục như nơi phần đầu bài viết chúng tôi đã nêu dẫn, tất cả như cùng hỗ trợ để ĐTKVN phần Phật giáo Bắc truyền tiến gần tới giai đoạn hoàn thành.

Sự thực là như thế. Quá trình Việt dịch Kinh, Luật, Luận từ Hán tạng để hoàn thành ĐTKVN phần Phật giáo Bắc truyền: Nguyên do, khởi điểm, thời gian, những thuận hợp và nhất là những trở ngại... là như thế chứ không phải như TKĐ đã viết.

## **Đào Nguyên**

**(Theo, Nguyệt San Giác Ngộ số 195. 6-2012 và số 196. 7-2012**

---

### **Chú thích**

(1) Chúng tôi đã viết một số bài bàn về ĐTKVN cùng những liên hệ. Bài viết sớm nhất là bài: Một vài suy nghĩ về ĐTKVN trước thế kỷ mới. Ký là Nguyên Định. In trong Phật giáo trong thế kỷ mới, tập II, Giao điểm xuất bản, Hoa Kỳ, 1997, trang 301 - 322. Bài viết mang tính trọng tâm là bài: Góp phần đề nghị một đề cương biên dịch cho ĐTK Việt Nam. Nguyệt san Giác Ngộ số 107, 108 tháng 2, 3/2005. Về ĐTK chữ Hán, chúng tôi đã viết khá nhiều bài (Khoảng trên 20 bài) hầu hết đều đăng trên Nguyệt san Giác Ngộ. Bài đăng sớm nhất là bài: Giới thiệu tóm lược về kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Nguyệt san Giác Ngộ số 24, 25, tháng 3, 4/1998. Bài viết gần đây nhất là bài: Bỏ-tát Thế Thân với mảng luận giải thích kinh. Nguyệt san Giác Ngộ số 156, 157, tháng 3, 4/ 2009.

(2) (3): Xem thêm bài viết của Đào Nguyên: Góp chút công sức cho ĐTKVN, Nguyệt san Giác Ngộ số 186, tháng 9/2011.

(4) Xem thêm: Lời giới thiệu của Đào Nguyên, in trong sách Nhập môn kinh Hoa Nghiêm, Nguyên Huệ dịch, NXB. Phương Đông, 2010, trang 5 - 18.

(5) Xem thêm bài viết của Đào Nguyên: Giới thiệu tổng quát về hệ thống kinh điển Hán tạng. Nguyệt san Giác Ngộ số 60, 61, tháng 3, 4/2001. Sau in trong Phật học cơ bản, tập 4, chương trình Phật học hàm thụ. Bản in lần thứ 3, NXB. Tôn Giáo, 2008, trang 29 - 87.

(6) Xem thêm bài viết của Đào Nguyên: Giới thiệu tổng quát về hệ

thống Luật tạng của Phật giáo Bắc truyền, Nguyệt san Giác Ngộ số 113, 114 tháng 8, 9/2005.

(7) Xem thêm: Góp chút công sức cho ĐTKVN. Bđd. Sau tạng luận (ĐTK/ĐCTT) là các bộ Sớ giải Kinh, Luật, Luận, Chư Tông, Sử Truyện...

(8) Xem: Biên bản Hội nghị toàn thể Hội đồng phiên dịch Tam Tạng, 1973 - 2517. Bản in Ronéo – lưu hành nội bộ.

(9) Xem: Thích Tâm Hải: Sơ lược lịch sử Phật giáo Ấn Độ sau thời Đức Phật, in trong Phật Học Cơ Bản, tập 2, NXB. Tôn Giáo, 2008, trang 122. Xem thêm phần viết: Nói sơ lược về Đại thừa... của Hòa thượng Trí Quang, in trong Khởi tín luận, Trí Quang dịch, 1995, trang 34 - 41.

(10) Xem: Kimura TaKen: Đại thừa Phật giáo Tư tưởng luận. Thích Quảng Độ dịch, Tu Thư Đại học Vạn Hạnh xb, 1969, trang 193.

(11) Xem: Hòa thượng Trí Quang: Hai thời công phu, bản in 1994, trang 435.

(12) Xem: Hai thời công phu, sđd, trang 168.

(13) HT. Trí Quang, Hai thời công phu, Sđd, trang 446. Ký hiệu Chính 8/851: Nghĩa là ĐTK/ĐCTT, tập 8, trang 851 (Đ.N. ghi).

(13B): Chúng tôi dùng chữ khoảng 260 chữ vì theo D.SuZuKi thì gồm 262 chữ (Xem: Thiên luận của D.SuZuKi, Trúc Thiên, Tuệ Sĩ dịch, tập Hạ, 1998, trang 221).

(14) Xem: HT. Trí Quang: Hai thời công phu. Sđd, trang 434 - 437.

(15) Hòa thượng Trí Quang cũng đã “Thử Hội dịch Tâm Kinh” gồm đủ 3 phần Tựa, Chánh Tông và Lưu Thông. Xem: Hai Thời Công Phu, Sđd, trang 441 - 445. (15B): Vấn đề phần chính của 5 bản Hán dịch (N0252, 253, 254, 255, 257) có thêm... Xin tham khảo: Thiên Luận của D. SuZuKi, tập Hạ, Trúc Thiên, Tuệ Sĩ dịch, 1998, trang 221 - 239.

(16) Xem thêm bài viết của Đào Nguyên: Nghĩ về một cách hàng phục ma trong một bộ kinh. Đăng trên Tập Văn của ban văn hóa TW Giáo hội Phật giáo VN.

(17) Đừng nên có ý tưởng ngây thơ cho rằng: Khi Phật giáo Việt Nam có được Đại tạng kinh Việt Nam (ông TKĐ viết là: Tạng Kinh Việt Nam thuần Việt (sic)), thì người Phật tử, người đọc, kể cả các nhà trí thức, các học giả, sẽ đọc kinh, luận, nhất là những bộ kinh, luận lớn, tiêu biểu của Phật giáo Bắc truyền, sẽ lãnh hội hết diệu nghĩa nơi các kinh, luận kia, không cần những sự giải thích,



hướng dẫn. Xem nơi Phật giáo Trung Hoa, hầu hết các bộ kinh luận lớn, tiêu biểu được Hán dịch từ tiếng Phạn, đều được chú giải, sơ giải cả. ĐTK/ĐCTT đã dành đến gần 10 tập (Từ tập 33 đến gần hết tập 44: từ N01693 đến N01850 để tập hợp phần lớn các tác phẩm sơ giải Kinh, Luật, Luận của các Đại sư, học giả Phật giáo Trung Hoa qua các đời. (17B) Tán dương về diệu nghĩa của Bát-nhã Tâm Kinh như ông TKĐ đã làm nơi bài viết ấy là một việc làm dư thừa. Vì diệu nghĩa của Bát-nhã Tâm Kinh là đúc kết từ kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa 600 quyển. Bộ kinh đồ sộ, vĩ đại bậc nhất ấy đã dàn trải đến mênh mông vô tận mà cũng thu gọn tới chỗ tột cùng. Theo học giả Kimura Taken thì bộ kinh này tuy gồm có 600 quyển, nhưng chủ yếu không ngoài việc giải thích một chữ Không, Không Không, Đại Không, rất ráo là Không..." (Đại thừa Phật giáo tư tưởng luận, sđd, Thích Quảng Độ dịch, trang 185). Diễn đạt một cách ngắn gọn mà hàm súc, sâu sắc về vấn đề ấy, thì hơn 1.500 năm về trước, Đại sư Tăng Triệu (384 - 414) đã làm được qua bài viết: Bát-nhã Vô Tri Luận, in trong Triệu Luận (Xem: Triệu Luận, N01858, ĐTK/ĐCTT, tập 45, trang 150 - 161. Hoặc: Triệu Luận lược giải của Đại sư Hám Sơn Đức Thanh, Hòa thượng Duy Lực Việt dịch, in trong Chư kinh tập yếu, 1993, trang 467 - 572. Thời ấy chưa có Đại Bát Nhã BaLa Mật Đa 600 quyển (Bản dịch) Đại sư Tăng Triệu chỉ căn cứ theo các kinh Đại Phẩm, Đạo Hành, Phóng Quang, Quang Tán...Xem thêm: Thiền luận của D.SuZuKi, tập hạ, bài Triết học và tôn giáo trong Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Trúc Thiên, Tuệ Sỹ dịch. Bản in 1998, trang 243 - 341.

(18) Xem bài viết của sư Triều Tâm Ảnh: Tiếng hú trên đỉnh Cô Phong. Nguyệt san Giác Ngộ số 142, tháng 01/2008.

(19) Xem thêm bài viết của Đào Nguyên: Góp phần khẳng định ảnh hưởng của Phật giáo trong văn học Việt Nam. Nguyệt san Giác Ngộ số 104, tháng 11/2004.

(20) Ngoài ra, còn có một vài chi tiết liên quan đến văn học, tương cũng nên làm rõ.

a) TKĐ viết: "Như một bài thơ ngắn nhất trong những bài thơ là bài tứ tuyệt Phong Kiều Dạ Bạc của Trương Kế đời Đường. Nó đã trở thành tuyệt phẩm lưu danh thiên cổ". ( Bđd, trang 18/2).

\* Viết: "Như một bài thơ ngắn nhất trong những bài thơ là bài tứ tuyệt Phong Kiều Dạ Bạc của Trương Kế đời Đường" là chưa ổn, chưa đủ nên chưa đúng.

- Thứ nhất: Bài Phong Kiều Dạ Bạc của Trương Kế viết theo thể thất ngôn tứ tuyệt: 4 câu 7 chữ, tính theo số chữ là 28 chữ. Vậy thì bài thất ngôn tứ tuyệt nào mà chẳng gồm 4 câu 7 chữ, 28 chữ, sao bảo bài tứ tuyệt Phong Kiều Dạ Bạc của Trương Kế đời Đường là một bài thơ ngắn nhất trong những bài thơ? Chẳng lẽ các bài thơ thất ngôn tứ tuyệt nổi tiếng khác có số câu số chữ nhiều hơn bài của Trương Kế? Hay là ông TKĐ tính theo số chữ cái trong bài thơ?

- Thứ hai: Nói bài thơ ngắn nhất... là chưa đủ. Ngắn nhất và phải có những đặc điểm gì (lời diễm lệ, ý hàm súc, hoặc chỉ có bao nhiêu chữ mà đủ cả cảnh, người, âm thanh, hình ảnh...) thì mới có giá trị, đáng nói, chứ ngắn nhất không thôi thì có giá trị gì?

- Thứ ba: Nói bài tứ tuyệt Phong Kiều Dạ Bạc (Hay nói chung các bài thất ngôn tứ tuyệt) là ngắn nhất trong những bài thơ... là không đúng. Nói ngắn nhất... thì nên nói về thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt (4 câu 5 chữ: 20 chữ) mới là ngắn nhất. Về thơ Đường, có thể kể đến một số bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt có giá trị của Vương Bột (648 - 675) (Bài Tư Quy), của Lạc Tân Vương (Bài Dịch Thủy Tổng Biệt), của Lý Bạch (702 - 762) (Bài Dạ Tứ, bài Ưc Đông Sơn, bài Độc Tọa Kính Đình Sơn...). (Các bài thơ trên: Xem Đại Cương Văn Học Sử Trung Quốc, tập 2 của Nguyễn Hiến Lê, NXB. NHL, S, 1964). Hoặc một số bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt mang âm hưởng Phật giáo của Vương Duy (701 - 761) ( Xem Vương Duy Thi Tuyển của Giản Chi, NXB. VH, 1993). Ở Việt Nam có thể kể đến bài kệ tuyệt tác của Thiền sư Pháp Thuận như đã nêu dẫn ở trước.

\* Viết: “Nó đã trở thành tuyệt phẩm lưu danh “thiên cổ” là đúng nhưng chưa đủ nên trở thành phiên diện.”

\* Nói đến những thành tựu về thơ thất ngôn tứ tuyệt đời Đường (618 - 907), người ta thường nhắc đến các bài Sơn Trung Vấn Đáp ( Lý Bạch), bài Hoàng Hạc Lâu Tổng Mạnh Hạo Nhiên ( Lý Bạch), bài Ô Y Hạng (Lưu Vũ Tích), bài Biệt Đổng Đại (Cao Thích), bài Tòng Quân Hành (Vương Xương Linh), bài Lương Châu Từ (Vương Chi Hoán), bài Lương Châu Từ (Vương Hàn), bài Đề Tích Sở Kiến Xứ (Thôi Hộ), bài Phong Kiều Dạ Bạc (Trương Kế), bài Xích Bích Hoài Cổ (Đỗ Mục), bài Thán Bạch Phát (Vương Duy)... Các bài thất ngôn tứ tuyệt kia, mỗi bài đều mỗi vẻ, chúng đều là những tuyệt phẩm lưu danh thiên cổ, cứ gì mỗi bài Phong Kiều Dạ Bạc mới “trở thành tuyệt phẩm lưu danh”

thiên cổ” như TKĐ đã viết? (Các bài thơ trên đều dẫn theo sách Đại Cương Văn Học Sử Trung Quốc, tập 2 của Nguyễn Hiến Lê. Riêng bài Thán Bạch Phát của Vương Duy thì xem Vương Duy Thi Tuyển, sđd, trang 240 - 241).

b) TKĐ viết: Nguyễn Du cũng đã qua bao nhiêu trải nghiệm thăng trầm của thế sự, nhưng mãi tới khi về lại với chính mình mới tìm được chân kinh:

Ngã độc Kim Cang thiên biến linh...

Kim Cang vô tự thị chân kinh.

(Nghìn lần ta đọc Kim Cang

Kim Cang thật nghĩa là trang không lời), Bđd, trang 16/1.

\*Viết và dẫn thơ như thế thì người đọc hiểu 2 câu thơ chữ Hán ấy là của Nguyễn Du. Nhưng thật sự không phải hoàn toàn như vậy. Câu “Ngã độc Kim Cương thiên biến linh” là câu thơ thứ 29 trong bài thơ thất ngôn cổ phong trường thiên gồm 32 câu của thi hào Nguyễn Du (1765 - 1820) nhan đề là: Lương Chiêu Minh Thái Tử Phân Kinh Thạch Đài (Bài đá phân kinh của Thái tử Chiêu Minh đời Lương) (Xem Thơ Chữ Hán Nguyễn Du, Lê Thước - Trương Chính sưu tập... NXB. Văn học, 1978, trang 443 - 448). Ba dấu chấm lửng sau câu “Ngã độc kim cang thiên biến linh...” là chỉ cho 2 câu 30, 31 tiếp theo:

Kỳ trung áo chỉ đa bất minh

Cập đảo phân kinh thạch đài hạ

Và câu thơ sau cùng 32 là:

Tài tri vô tự thị chân kinh

Chứ không phải là Kim Cang vô tự thị chân kinh như TKĐ đã dẫn.

Đây là phần dịch nghĩa 4 câu thơ trên của học giả Đào Duy Anh (1904 - 1988)

Ta đọc kinh Kim Cương hơn nghìn lần

Ý chỉ sâu kín trong ấy nhiều điều ta không rõ

Kịp nay đến dưới đài phân kinh này

Mới rốt cuộc biết rằng chân kinh là kinh không chữ.

(Bài: Nói tóm tắt về thiên tôn, in trong Khóa Hư Lục, Đào Duy Anh dịch, NXB. KHXH, 1974, trang 24).

Đấy là đoạn thơ thể hiện sự ngộ đạo của thi hào Nguyễn Du. Có nhà nghiên cứu văn học đã cho bài thơ này cùng với một số bài thơ khác của Thiền sư Huyền Quang đời Trần, của Nguyễn Trãi, của Ngô Thì Nhậm... là nằm trong vùng khí quyển của mỹ học Thiền. Mạch thơ khởi từ câu thứ 23:

Ngô văn Thế Tôn tại Linh Sơn  
Thuyết pháp độ nhân như hằng hà sa số  
Nhân liễu thử tâm nhân tự độ  
Linh Sơn chỉ tại nhữ tâm đầu  
Minh kính diệc phi đài  
Bồ đề bản vô thụ  
Ngã độc Kim Cương thiên biến linh...

Lời thơ cuộn cuộn mà thanh thoát, thể hiện tiến trình nghe đạo, hiểu đạo và ngộ đạo của Nguyễn Du. Vì thế, câu thơ chế biến của TKĐ: “Kim cương vô tự thị chân kinh” rõ ràng là đã phá hỏng đỉnh cao, thẩm mỹ của bài thơ. Nói cách khác, thi hào Nguyễn Du của chúng ta, khởi mạch thơ từ câu Ngô Văn Thế Tôn tại Linh Sơn... không thể hạ xuống một câu kết quá non kém, quá dở như vậy! Lại nữa, phạm dẫn thơ mà có tự chế biến để thuận hợp với điều mình đã nói, sẽ nói, thì nên ghi chú nêu rõ. Nếu không thì đây là sự nhiễu loạn theo chiều hướng tam sao thất bản, không nên có nơi người viết biết tự trọng.



← Trước Sau →

Tạo bài viết

1 2 Trang sau Trang cuối

➔ **A Hàm Tuyền Chú** 11/12/2017 (Xem: 40390) *Thích Thái Hòa*

➔ **Bốn Mươi Sáu Đại Nguyện Của Đức Phật A-Di-Đà Giới Thiệu - Dịch - Chú Từ Nguyên Bản Sanskrit**

27/06/2015 (Xem: 19855)

➔ **Dẫn Luận Kinh Tạp A-hàm** 14/11/2020 (Xem: 4859) *Chúc Phú*

➔ **Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh** 29/01/2014 (Xem: 15494)

➔ **Đôi Điều Cương Yếu Về Kinh Địa Tạng** 27/05/2010 (Xem: 39104) *Thích Thông Huệ*

➔ **Giới thiệu - Dịch và Chú Kinh Pháp Ấn** 20/06/2015 (Xem: 7958)

---

➔ **Giới Thiệu Đề Mục Kinh Hoa Nghiêm** 27/05/2010 (Xem: 21273) *Thích Nữ Như Giác*

---

➔ **Giới Thiệu Kinh Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa** 27/05/2010 (Xem: 29219) *Đào Nguyên*

---

➔ **Giới Thiệu Kinh Đại Niệm Xứ** 07/10/2010 (Xem: 28656) *Khánh Hỷ, Silananda*

---

➔ **Giới Thiệu Kinh Điềm Lành (Mangala Sutta)** 20/08/2011 (Xem: 19835) *Bình Anson*

---

➔ **Giới thiệu kinh điển Phật giáo Đại thừa** 07/11/2016 (Xem: 45309) *Tuệ Sỹ, Peter Harvey*

---

➔ **Giới Thiệu Kinh Duy Ma Cật** 22/05/2010 (Xem: 25031) *Thích Tuệ Sỹ*

---

➔ **Giới Thiệu Kinh Hoa Nghiêm** 27/05/2010 (Xem: 48724) *Hoà Thượng Thích Trí Quảng*

---

➔ **Giới Thiệu Kinh Hoa Nghiêm** 27/05/2010 (Xem: 22449) *Định Huệ, Cao Quán Như*

---

➔ **Giới Thiệu Kinh Kim Cang** 27/05/2010 (Xem: 21359) *Edward Conze*

---

➔ **Giới Thiệu Kinh Kim Cang Edward Conze – Dịch Việt: Thích Nhuận Châu**

08/02/2022 (Xem: 3139) *Edward Conze, Thích Nhuận Châu*

---

➔ **Giới Thiệu Kinh Pháp Hoa** 26/05/2010 (Xem: 47047) *Thích Viên Giác*

---

➔ **Giới Thiệu Kinh Phật Thuyết Như Vầy** 22/05/2010 (Xem: 16390) *Thích Minh Châu*

---

➔ **Giới Thiệu Kinh Tăng Nhất A-hàm** 07/02/2020 (Xem: 6131) *Thích Nguyên Hùng*

---

➔ **Giới Thiệu Kinh Tập (Sutta Nipata)** 11/06/2018 (Xem: 15042) *Thích Minh Châu*

---

➔ **Giới Thiệu Kinh Tạng A-hàm** 14/11/2020 (Xem: 4228) *Thích Nguyên Hùng*

---

➔ **Giới Thiệu Kinh Thắng Man** 27/05/2010 (Xem: 22725) *Thích Tuệ Sỹ*

---

➔ **Giới Thiệu Kinh Trung A Hàm** 27/05/2010 (Xem: 26000) *Định Huệ, Diên Quang Liệt*

---

➔ **Giới Thiệu Lịch Sử Truyền Dịch – Chú Kinh Pháp Hoa (saddharmapundarikāsūtra)**  
28/05/2015 (Xem: 7741)

---

➔ **Giới Thiệu Lịch Sử Truyền Dịch Bát-nhã Tâm Kinh**  
10/09/2016 (Xem: 7424)

---

➔ **Giới Thiệu Phẩm Phương Tiện Trong Kinh Pháp Hoa Phạn - Tạng**  
08/09/2015 (Xem: 8011)

---

➔ **Giới Thiệu Sơ Bộ Về Cuộc Khám Phá Thủ Bản Cổ Kinh Kharosthi Và Phật Giáo Càn-đà-la**  
27/05/2010 (Xem: 12487) *Tâm Hà Lê Công Đa*

---

➔ **Giới Thiệu Và Giải Thích Đề Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật**  
22/05/2010 (Xem: 21021) *Thích Thái Hòa*

---

➔ **Giới Thiệu Và Giải Thích Đề Kinh Kim Cương Bát Nhã**  
27/05/2010 (Xem: 14947) *Thích Thái Hòa*

---

➔ **Giới Thiệu Về Năm Bộ Nikāya (Pañca Nikāya)** 21/07/2018 (Xem: 27917) *Thích Trung Định*

---

➔ **Hiện Trạng Đại Tạng Kinh - Tháng 4, 2011** 14/06/2011 (Xem: 23142) *Tuệ Quang*

---

➔ **Hướng Dẫn Đọc Kinh Trung Bộ** 20/09/2019 (Xem: 18671) *Thích Nhật Từ*

---

➔ **Hướng Dẫn Đọc Kinh Trường Bộ** 20/09/2019 (Xem: 15526) *Thích Nhật Từ*

---

➔ **Hướng Dẫn Đọc Tam Tạng Kinh Điển** 06/12/2019 (Xem: 10643) [U](#)

[KO LAY](#), [Thích Nữ Huyền Châu](#)

---

➔ **Khái Quát Lịch Sử Truyền Bá Kinh Điển Và Những Đặc Điểm Của Kinh Tạng Nikaya**

21/04/2010 (Xem: 21128) [Thích Viên Giác](#)

---

➔ **Khái Quát Tư Tưởng Kinh Duy Ma Cật** 27/05/2010 (Xem:

21960) [Thích Viên Giác](#)

---

➔ **Khái Quát Về Nguồn Gốc Kinh A Hàm** 21/04/2010 (Xem:

67193) [Thích Nguyên Hiền](#)

---

➔ **Kinh Duy-ma-cật Sở Thuyết, Tóm Tắt Nội Dung 12 Chương Bản Tiếng Phạn**

29/05/2010 (Xem: 16245)

---

➔ **Kinh Kalama** 29/03/2023 (Xem: 43989) [Sayadaw U Jotika](#), [Tâm Pháp](#)

---

➔ **Mục Lục Đại Tạng Kinh Tiếng Việt** 02/02/2016 (Xem: 25368) [Nguyễn](#)

[Minh Tiến](#)

---

➔ **Mười Tư Tư Tưởng Pháp Hoa Trong Đời Sống Hàng Ngày**

26/05/2010 (Xem: 26112) [Đương Đạo](#)

---

➔ **Ngày Tết đọc Kinh Phật** 11/02/2021 (Xem: 5113) [Thích Minh Châu](#), [Tuệ](#)

[Sỹ](#), [Đức Thắng](#)

---

➔ **Nghi Thức Tụng Niệm Trong Truyền Thống Phật Giáo Nguyên Thủy**

01/10/2015 (Xem: 22004) [Bình Anson](#)

---

➔ **Những vấn đề liên quan đến đại tạng kinh** 17/09/2014 (Xem:

11600) [Nguyễn Minh Tiến](#)

---

➔ **Pháp Môn Tu Chứng Lăng Nghiêm Đại Định** 27/05/2010 (Xem:

29654) [Thích Huệ Hưng](#)

---

➔ **Phép Tu Lăng Nghiêm Đại Định** 27/05/2010 (Xem: 21144) [Hoà Thượng](#)

[Kim Cang Tử](#)

---

## ➔ **Quá Trình Hình Thành Đại Tạng Kinh Chữ Hán** 21/04/2010 (Xem:

16234) [Định Huệ](#)

## ➔ **Quá Trình Hình Thành Đại Tạng Kinh Hán Văn** 27/05/2010 (Xem:

14845) [Thích Thiện Siêu](#)

## ➔ **Sách Mới - Ấn Tổng: Giới Thiệu Nguồn Gốc A-di-đà**

31/01/2017 (Xem: 11535)

## ➔ **Sự Phát Triển Của Tư Tưởng Bát Nhã Tại Trung Quốc**

27/05/2010 (Xem: 12577) [Định Huệ](#)

1

2

Trang sau

Trang cuối

### THƯ VIỆN

#### HOA SEN

- ➔ Mục Đích
- ➔ TỰ Điển Phật Học
- ➔ TỰ Điển Đa Ngôn Ngữ và Công Cụ Dịch
- ➔ Index Tác Giả

### KINH

- ➔ Giới Thiệu Kinh
- ➔ Kinh Pali
- ➔ Kinh Sanskrit/Hán Tạng
- ➔ Giảng Giải Kinh

### TỊNH ĐỘ

- ➔ Trợ Niệm Vãng Sanh
- ➔ Ban Hộ Niệm Vãng Sanh

### KIM CANG

#### THỪA

- ➔ Kim Cang Thừa
- ➔ Truyền Thừa Drukpa
- ➔ Gallery

### THƯ VIỆN

#### E BOOKS

- ➔ .EPUB
- ➔ .PRC
- ➔ .PDF
- ➔ .PDF (Kindle 3)
- ➔ Đọc sách online với Định Dạng 3D

### THIỀN

- ➔ Thiền Đại Thừa
- ➔ Thiền Nguyên Thủy
- ➔ Thiền Tổ Sư
- ➔ Thiền và Thơ

### LUẬN

- ➔ Pháp Luận
- ➔ Phật Học
- ➔ Phật Học Cơ Bản
- ➔ Phật Học Vấn Đáp
- ➔ Duy Thức Học
- ➔ Tánh Không
- ➔ Phật Học Ứng Dụng

### DANH MỤC

#### KHÁC

- ➔ Sử Phật Giáo
- ➔ Văn Hóa Phật Giáo
- ➔ Phật Giáo Thế Giới
- ➔ Phật Giáo Việt Nam
- ➔ Chuyên Đề
- ➔ Nghi Thức
- ➔ Khoa Học

- ➔ Kinh Tế Chính Trị
- ➔ Giáo Dục Hoàng Pháp
- ➔ Môi Sinh
- ➔ Nữ Giới
- ➔ Hôn Nhân
- ➔ Cư Sĩ Phật Giáo
- ➔ Hộ Pháp

- ➔ Tôn Giáo/Triết Học
- ➔ Truyện Phật Giáo
- ➔ Thơ-Nhạc-Pháp Âm
- ➔ Xây Chùa Đúc Tượng
- ➔ Dinh Dưỡng Chay
- ➔ Sức Khỏe-Sống-Chết-Tái Sinh

- ➔ Du Lịch Hành Hương
- ➔ Phật Pháp Tuổi Trẻ
- ➔ Nguyệt San Giác Ngộ
- ➔ Các Tạp Chí Phật Giáo Khác
- ➔ Luận Văn Tốt Nghiệp/Tham Luận Hội Thảo

- ➔ Từ Thiện Xã Hội
- ➔ Cuộc Sống
- ➔ Chùa Việt Nam



THU VIỆN HOA SEN



THU VIỆN HOA SEN

THU VIỆN HOA SEN



THU VIỆN HOA SEN



THU VIỆN HOA SEN



THU VIỆN HOA SEN



THU VIỆN HOA SEN

THU VIỆN HOA SEN



THU VIỆN HOA SEN



THU VIỆN HOA SEN



THU VIỆN HOA SEN



THU VIỆN HOA SEN

THU VIỆN HOA SEN



THU VIỆN HOA SEN



THU VIỆN HOA SEN



THU VIỆN HOA SEN



THU VIỆN HOA SEN

THU VIỆN HOA SEN



VIỆN HOA SEN

THU VIỆN HOA SEN

VIỆN HOA SEN